

(Tập 2. Nxb Chính trị quốc gia – sự thật, Hà nội - 2011 ,tr 277 – 347)

1. **Tổng số đơn vị học trình:** ĐVHT (số tiết)

Trong đó: Hướng dẫn, giới thiệu trên lớp: 05 tiết

Thảo luận theo tổ, nhóm: 05 tiết

2. **Bộ môn phụ trách**

Giảng viên viết đề cương: TS. Vũ Quang Ánh sđt 0904.619.685.

3. **Vị trí của môn học**

Thuộc phần kiến thức giới thiệu tác phẩm của Hồ Chí Minh trong chương trình Hồ Chí Minh học, phần chuyên ngành cao học

Những kiến thức sẽ trang bị cho người học:

Hoàn cảnh ra đời tác phẩm;

Những nội dung cơ bản của tác phẩm;

Giá trị của tác phẩm

Quan hệ với các môn học khác trong chương trình: nằm trong học phần giới thiệu tác phẩm của Hồ Chí Minh thuộc phần chuyên ngành trong chương trình đào tạo Hồ Chí Minh học.

4. Mục tiêu và yêu cầu của môn học

Mục tiêu

+ Về kiến thức:

Trang bị cho sinh viên những nhận thức về hoàn cảnh ra đời tác phẩm đường cách mệnh

Giúp sinh viên nắm vững những nội dung cơ bản của tác phẩm đường cách mệnh

+ Về phương pháp, kỹ năng:

Giúp sinh viên nhận rõ và sử dụng được hệ thống phương pháp: lịch sử, logic, kết hợp logic với lịch sử, phân tích, so sánh, tổng hợp để nghiên cứu tác phẩm

Giúp sinh viên kỹ năng sử dụng các phương pháp để hệ thống hóa nội dung tác phẩm và vận dụng nó xem xét những vấn đề của cách mạng Việt Nam trước đây và của thời kỳ đổi mới hiện nay

+ Về ý thức, tư tưởng

Nhận rõ tính đúng đắn, cách mạng và sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam được thể hiện trong tác phẩm. Trên cơ sở đó học viên củng cố niềm tin vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới mà củng cố lập trường tư tưởng, ra sức phấn đấu

- *Yêu cầu (trong tổ chức, triển khai dạy và học)*
- + Đối với giảng viên
 - Chuẩn bị thật tốt bài giới thiệu tác phẩm Đường Cách Mệnh
 - Nắm vững đối tượng học viên, xác định rõ bước đi, cách thức và các phương tiện giảng dạy bài giới thiệu tác phẩm này
- + Đối với sinh viên
 - Đọc tác phẩm, ghi chép nhất là những thắc mắc trước khi lên lớp nghe giảng viên giới thiệu tác phẩm
 - Với sự chuẩn bị trước, khi ở trên lớp cùng giảng viên làm việc để hiểu sâu những nội dung cơ bản của tác phẩm và những kiến thức làm rõ thêm tác phẩm.

5. Nội dung tác phẩm (gồm 3 phần)

➤ *Hình ảnh ra đời tác phẩm (4 ý)*

- *Tình hình thế giới*
- Tháng Mười năm 1917 cuộc cách mạng vô sản do giai cấp công nhân Nga lãnh đạo đã nổ ra và giành thắng lợi, lập nên chính quyền Xô Viết công nông đầu tiên trên thế giới.
- Năm 1918 chiến tranh thế giới lần thứ I kết thúc
- Tháng 3/1919 dưới sự lãnh đạo của V.I. Lênin các ĐCS, các nhóm cộng sản của 30 nước đã tiến hành đại hội thành lập Quốc tế Cộng sản tại Matxcova
- Mùa hè 1920 Nguyễn Ái Quốc đã đọc toàn văn luận cương của V.I.Lênin đăng trên báo L.Humanité (Nhân Đạo)
- Tháng 12/1921 tại Đại hội lần thứ I Đảng Cộng sản Pháp họp ở thành phố cảng Mác xây, Nguyễn Ái Quốc đã đề nghị thành lập Ban nghiên cứu thuộc địa trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Pháp và được Đại hội chấp nhận
- Tháng 10/1922 Đảng Cộng sản Pháp tổ chức Đại hội lần thứ II, Nguyễn Ái Quốc đã đưa ra nhiều ý kiến đóng góp trong Đại hội, bộc lộ phẩm chất sắc sảo của một chiến sĩ cách mạng, một nhà hoạt động chính trị tài năng
- Nhận lời mời của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản tháng 6/1923 Nguyễn Ái Quốc bí mật rời Pari (Pháp) sang Liên Xô

► 1.2. Tình hình Việt Nam (3 ý)

- - Thực dân Pháp tiếp tục thực hiện chính sách thống trị độc quyền, chuyên chế và ra sức khai thác thuộc địa lần thứ 2
- - Phong trào chống Pháp của nhân dân ta tiếp tục diễn ra mạnh mẽ theo xu hướng dân chủ tư sản và có bước chuyển mạnh mẽ sang xu hướng vô sản
- - Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác – Lê nin tham gia sáng lập ĐCS Pháp, hoạt động tích cực trong QTCS; xác định con đường cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam và truyền bá về nước

► 1.3 . Hoàn cảnh trực tiếp ra đời tác phẩm (3 ý)

- - Tháng 11/1924: Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô về đến Quảng Châu (Trung Quốc)
- - Tháng 6/1925: NAQ lập ra Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.
- - Từ năm 1925 – 1927: NAQ mở trường huấn luyện chính trị tại Quảng Châu (TQ)

► 1.4. Về tác phẩm Đường Cách Mệnh

► 1.4.1. Vài nét về tác phẩm

► 1.4.2. Chủ đề tư tưởng của tác phẩm

► 1.4.3. Kết cấu của tác phẩm

- - Về hình thức: Ngoài lời đề tựa, cuốn sách được phân chia theo từng vấn đề, số trang cũng được đánh theo từng vấn đề, không đánh liền cho cả cuốn sách. Trong tác phẩm này, NAQ đã tập trung đề cập đến 15 vấn đề.
- - Về kết cấu nội dung: **Tác phẩm triển khai theo 3 nội dung cơ bản:**
- Một là, những vấn đề lý luận cách mạng chung;
- Hai là, tổng kết các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới và rút ra bài học cho cách mạng Việt Nam;
- Ba là, xác định phương pháp và tổ chức hoạt động cách mạng

II. Những nội dung cơ bản của tác phẩm *Đường Cách Mệnh* (7 nội dung)

- 2.1. Về vai trò, tầm quan trọng của lý luận cách mạng (tr.279)
- 2.2. Về nội dung giáo dục phẩm chất đạo đức người cách mạng (tr.280- 281)
- 2.3. Về mục đích (tr.282- 283)
- 2.4. Về khái niệm cách mệnh(tr.284)
- 2.5. Về con đường cách mạng Việt Nam(tr.284- 289)
- 2.6. Về những nhân tố đảm bảo cho cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản đi tới thành công(tr.289)
 - Đường Cách Mệnh khẳng định nhân tố đầu tiên, quan trọng nhất đảm bảo cho thành công cuộc cách mạng là phải có Đảng cách mạng (ĐCS)
 - Về lực lượng cách mạng: NAQ khẳng định phải xây dựng được lực lượng cách mạng của toàn dân tộc
 - Về đường lối đoàn kết quốc tế: NAQ khẳng định cách mệnh VN cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới
 - Về phương pháp cách mạng: phải dùng bạo lực cách mạng nhưng trước hết là bạo lực chính trị của quần chúng
- 2.7. *Đường Cách Mệnh* còn đề cập một hệ vấn đề rất phong phú về tổ chức cách mạng thế giới và những giá trị trong quá trình phát triển lịch sử của nhân loại

III. Ý nghĩa của tác phẩm

1. Về lý luận (3 ý)

- ĐKM có giá trị như một cương lĩnh của phong trào công nhân và phong trào yêu nước VN đương đại
 - ĐKM đã trình bày những điều cốt lõi của học thuyết cách mạng Mác – Lê nin; phương hướng cơ bản của cách mạng VN và nhiều nội dung của tác phẩm có giá trị chỉ đạo lâu dài đối với cách mạng VN
 - ĐKM đã góp phần phát triển sáng tạo nhiều vấn đề trong lý luận cách mạng Mác – Lê nin
- ### 3.2. Về thực tiễn (3 ý)
- ĐKM đã định hướng cho nhân dân ta hành động đi tới giải phóng dân tộc
 - ĐKM ra đời là một đòn tấn công quyết liệt của giai cấp công nhân vào những quan điểm của giai cấp tư sản, nhằm dành thắng lợi cho việc xác lập vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với cách mạng của dân tộc
 - ĐKM đóng vai trò quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê nin vào VN

7. Tài liệu

- - *Tài liệu bắt buộc*: Tác phẩm Đường Cách Mệnh (in trong Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 2, xuất bản lần thứ 3, NXB CTQG – Sự thật, Hà Nội. 2011, tr.277-347)
- - *Tài liệu tham khảo*:
 - + Văn kiện Đảng, các tổ chức tiền thân của đảng, Ban nghiên cứu LSD Trung ương, Hà Nội, 1977, tr.82
 - + ĐCSVN: VKĐTT, NXB CTQG, Hà Nội, 2000. Tập 7, tr. 11
 - + BNCLSDTW: Chủ tịch HCM tiểu sử và sự nghiệp. NXB Sự thật, Hà Nội, 1975, tr.16-57
- *Phương pháp đánh giá*
 - . Viết một tiểu luận
 - . Một bài thi kết thúc học phần
 - *Những vấn đề cần thảo luận trong lớp hoặc tổ*
 - . Những vấn đề thể hiện tính cương lĩnh của tác phẩm Đường Cách Mệnh
 - . Phân tích giá trị thực tiễn của tác phẩm Đường Cách Mệnh

**BA BÀI PHÁT BIỂU CỦA NGUYỄN ÁI
QUỐC TẠI HỘI NGHỊ V QUỐC TẾ
CỘNG SẢN (1924)**

Tập 1: tr295 – 315

GIẢNG VIÊN: TS. VŨ QUANG ÁNH
KHOA : TT HỒ CHÍ MINH
Sốt:0904.619.685

**I. HOÀN CẢNH LỊCH SỬ, TÁC GIẢ, TÁC
PHẨM**

1. Hoàn cảnh lịch sử

1.1.1. Hoàn cảnh trong nước

- Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ 2 ở Việt Nam trên quy mô lớn.

- Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của pháp đã làm cho tất cả các tầng lớp nhân dân vốn đã khổ cực lại càng khổ cực hơn, đặc biệt là nông dân.

- Các giai tầng Việt Nam tiếp tục phân hóa sâu sắc, giai cấp nông dân ngày càng bị bần cùng hóa, giai cấp công nhân mới ra đời, nay càng thể hiện vai trò của mình trên vũ đài chính trị.

- Tuy ở nước ngoài nhưng Hồ Chí Minh vẫn theo dõi sát sao tình hình trong nước.

Có thể nói đó là cơ sở thực tiễn, là những bằng chứng sinh động để Hồ Chí Minh thể hiện trong tham luận tại đại hội V quốc

1.1.2. Tình hình quốc tế

- Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc, ngày 18 tháng 1 năm 1919, các nước thắng trận họp hội nghị vecxây (Pháp) phân chia lại thế giới.

- Quốc tế Cộng sản (3-1919) ra đời dưới sự lãnh đạo của V.I. Lênin đã tạo ra bước chuyển biến căn bản trong lịch sử trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, cũng như phong trào giải phóng dân tộc.

- Năm 1921, cuộc nội chiến ở Liên Xô chấm dứt, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô được đẩy mạnh.

Những đặc điểm của tình hình thế giới có ảnh hưởng lớn đến nhận thức và hành động của Nguyễn Ái Quốc, đặc biệt là sự ra đời của Quốc tế Cộng sản và những luận điểm của V.I. Lênin.

Bên cạnh đó, Nguyễn Ái Quốc còn nghiên ngẫm và phát triển những quan điểm mới về cách mạng thuộc địa, tinh thần đó được Nguyễn Ái Quốc thể hiện trong tham luận tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản.

1.2. Tác giả

Sau khi đọc “sơ thảo lần thứ nhất luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa” của V.I. Lênin. Từ đó Nguyễn Ái Quốc “Hoàn toàn tin theo V.I. Lênin, tin theo Quốc tế ba”.

Bỏ phiếu tán thành Quốc tế ba, Nguyễn Ái Quốc từ người cách mạng yêu nước trở thành người cộng sản, gắn cách mạng Việt Nam vào quỹ đạo cách mạng vô sản.

Tại đại hội lần thứ nhất Đảng Cộng sản Pháp họp tại mác xây, tháng 12-1921, Nguyễn Ái Quốc đề nghị thành lập Ban nghiên cứu thuộc địa trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Pháp đã được đại hội chấp nhận.

Nhận lời mời của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, tháng 6-1923, Nguyễn Ái Quốc bí mật rời Pari sang Liên Xô.

Một lần nữa Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh vấn đề nói đi đôi với làm và làm có hiệu quả.

Nguyễn Ái Quốc bày tỏ sự không đồng tình với một số người trong quốc tế cộng sản coi nhẹ vai trò của đảng cộng sản và lực lượng quần chúng ở các nước thuộc địa.

1.3. Tác Phẩm

Ngày 17-6-1924. Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội Quốc tế Cộng sản với tư cách là đại biểu tư vấn.

Đại hội V Quốc tế Cộng sản được tổ chức trọng thể tại điện Kremlin.

Tại các phiên họp thứ 8 ngày 23-6-1924, phiên họp thứ 22 ngày 1-7-1924 và phiên họp thứ 25 ngày 3-7-1924, Nguyễn Ái Quốc đã phát biểu các tham luận.

II. NỘI DUNG CỦA TÁC PHẨM

1. Mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa với cách mạng ở chính quốc

- Trong phiên họp thứ tám ngày 23 tháng 6 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đã đăng ký tham luận đã được trình bày trên diễn đàn đại hội.

- Nguyễn Ái Quốc phê phán quan điểm đó, tựa như “đánh chết rắn đang đuôi”.

- Đưa ra một số liệu cụ thể về dân số, diện tích, để thấy sự chênh lệch rõ rệt về lực lượng cách mạng và phản động ở các thuộc địa Pháp và Anh so sánh lực lượng ở chính quốc.

- Nhắc lại luận điểm của V.I Lênin: “Cách mạng phương tây muốn giành thắng lợi... cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản” (tr.299).

Như vậy có thể thấy rằng quan điểm về mối quan hệ biện chứng giữa cách mạng chính quốc với cách mạng thuộc địa lần đầu tiên được Nguyễn Ái Quốc nêu lên trong diễn đàn đại hội.

2. Vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp nông dân ở thuộc địa

Nguyễn Ái Quốc sinh ra và lớn lên ở một nước thuộc địa, lại có quá trình khảo sát ở nhiều nước thuộc địa khác nhau. Nguyễn Ái Quốc nhận ra rằng tất cả các nước thuộc địa, giai cấp nông dân chiếm đa số trong cơ cấu xã hội và là người chịu nhiều tầng áp bức cho nên họ luôn có ý thức phản kháng.

Có thể thấy thông qua nghiên cứu và nhìn nhận bằng thực tiễn, Nguyễn Ái Quốc là người đầu tiên nhìn thấy vai trò, vị trí và sức mạnh của giai cấp nông dân các nước thuộc địa.

3. Tố cáo và lên án mạnh mẽ tội ác của chủ nghĩa đế quốc đối với nhân dân các dân tộc thuộc địa đặc biệt là nông dân

Trong bài tham luận đọc tại phiên họp lần thứ 25 ngày 3-7-1924, Nguyễn Ái Quốc kịch liệt lên án tố cáo tội ác của chính quyền thực dân đối với thuộc địa, nhất là đối với nhân dân Đông Dương.

Từ sự phân tích tình hình kinh tế, xã hội ở các nước thuộc địa của pháp, nơi tuyệt đại đa số là nông dân, đưa ra các bằng chứng số liệu, sự kiện cụ thể, Nguyễn Ái Quốc lên án chính sách cướp đoạt ruộng đất vô cùng trắng trợn và tàn bạo của chủ nghĩa thực dân.

4. Vai trò và trách nhiệm của quốc tế cộng sản trong việc giúp đỡ phong trào cách mạng ở thuộc địa

Nguyễn Ái Quốc chỉ ra rằng, phong trào đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa đã và đang bùng lên mạnh mẽ, nhưng đều bị dim trong biển máu. Người yêu cầu Quốc tế Cộng sản tích cực giúp đỡ các nước thuộc địa.

Phê phán chủ nghĩa hình thức đang xảy ra trong không ít các Đảng cộng sản, Nghĩa là chỉ nói mà không hành động, kể cả Đảng cộng sản Pháp.

Với các sự kiện số lượng cụ thể, Nguyễn Ái Quốc đánh giá sai lầm, thiếu sót của một số Đảng cộng sản. Nguyễn Ái Quốc nguyên nhân của những sai lầm thiếu sót đó trước hết là do nhận thức thiếu sâu sắc về lý luận và thực tiễn, thiếu tích cực trong hành động.

III. GIÁ TRỊ CỦA TÁC PHẨM

1. Giá trị lý luận

Với Ba bài phát biểu của Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội V Quốc tế cộng sản cho thấy lần đầu tiên trên một diễn đàn chính thức của phong trào cộng sản công nhân quốc tế, những luận điểm sáng tạo về mối quan hệ biện chứng giữa cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc được đề cập.

Bên cạnh đó, Nguyễn Ái Quốc còn khẳng định trên diễn đàn đại hội: cuộc cách mạng thuộc địa có thể nổ ra và thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc, đồng thời chính nó lại tạo nên điều kiện, thúc đẩy cho phong trào cách mạng ở chính quốc phát triển.

2. Giá trị thực tiễn

Qua bài phát biểu trên diễn đàn đại hội V – Quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc chỉ ra rằng, những người cộng sản trên thế giới cần phải kiên định, bảo vệ tư tưởng của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Phải kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cải lương, cơ hội trong phong trào cộng sản và công nhân thế giới.

Trên diễn đàn của Đại hội, tội ác của chủ nghĩa thực dân bị tố cáo, phơi bày thông qua những chứng cứ cụ thể, điều đó chẳng góp phần thức tỉnh tinh thần đấu tranh của nhân các nước thuộc địa, mà còn kêu gọi sự đoàn kết quốc tế rộng rãi chủ nghĩa thực dân của nhân dân tiến bộ thế giới.

Cuối cùng thông qua các bài tham luận của mình, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định một cách rõ ràng vai trò trách nhiệm của Quốc tế cộng sản trong việc giúp đỡ ủng hộ nhân dân các nước thuộc địa.

BẢN ÁN CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP (TR 23 – TR 144)

Tổng số đơn vị học trình: (5 tiết). Trong đó:

Hướng dẫn trên lớp: 3 tiết

Thảo luận: 2 tiết

Bộ môn phụ trách : Tác phẩm tiêu biểu Hồ Chí Minh

Giảng viên viết đề cương: TS Vũ Quang Ánh, giảng viên chính

Vi trí của môn học:

Nội dung thuộc phần kiến thức “Giới thiệu tác phẩm”

Mục tiêu và yêu cầu của môn học:

Mục tiêu:

+ Về kiến thức: Trang bị cho người học những nội dung cơ bản của tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp”.

+ Về phương pháp, kỹ năng: Trang bị phương pháp, kỹ năng nghiên cứu tác phẩm.

+ Về ý thức, tư tưởng: Rèn luyện ý thức, tư tưởng nghiên cứu tác phẩm nghiêm túc.

Yêu cầu:

+ Đối với giảng viên: Thực hiện đúng quy chế giảng viên

I. SỰ RA ĐỜI CỦA TÁC PHẨM

1. Về thời điểm viết và xuất bản

- -Theo GS Hoàng Xuân Hãn và Singô Sibata: In tại Pháp năm 1924.
- -Năm 1946, Quốc gia ấn thư - Cục Xuất bản trong nước, ghi rõ xuất bản ở Pháp năm 1925. Theo GS Đinh Xuân Lâm: Rất có nhiều khả năng Bản án được viết và hoàn thành vào thời gian Người ở Liên Xô (tháng 6/1923 đến tháng 10/1924), sau đó mới gửi bản thảo sang Pari. Và sách chỉ có thể ra mắt bạn đọc vào đầu năm 1926.
- -Theo Hà Huy Giáp, Đàm Đức Vượng: Sách được viết trong khoảng thời gian 1920-1924, do Thư quán Lao động Pari xuất bản năm 1925.
- -Theo Hồ Chí Minh – Tiểu sử, Nxb Lý luận chính trị, H, 2006, thì “trong những ngày ở Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc đã có điều kiện hoàn thành Bản án chế độ thực dân Pháp. Phần lớn nội dung của tác phẩm là những bài báo được viết từ năm 1921, đã đăng trên báo Nhân đạo, Đời sống công nhân, Người cùng khổ... được tác giả tập hợp lại. Sau đó tác giả xem lại bản thảo và bổ sung thêm. Bản thảo được gửi từ Matxcova đi Pari cuối năm 1924 cho Hội Liên hiệp thuộc địa và Ban Biên tập báo Le Paria, trước khi Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô đi Trung Quốc.
- -Theo Hồ Chí Minh toàn tập: được những người bạn cùng hoạt động với Người xuất bản lần đầu tiên bằng tiếng Pháp tại Thư quán lao động Pari, năm 1925. Ở Việt Nam, tác phẩm này được xuất bản lần đầu tiên bằng tiếng Pháp năm 1946. Năm 1960, Nxb. Sự thật dịch ra tiếng Việt, xuất bản lần thứ nhất, in trong Hồ Chí Minh tuyển tập.
- - Bản in lần thứ nhất có bài Tựa của Nguyễn Thế Truyền (Hành Thiện, Xuân Trường, Nam Định), sang Pháp du học. Thời kỳ đầu có tham gia viết báo *Người cùng khổ* và hoạt động trong *Hội liên hiệp thuộc địa*. Sau đó theo xu hướng chính trị khác, lập Đảng Việt Nam độc lập, xuất bản báo chí chống cộng)
- - Nguồn tư liệu: Nguyễn sử dụng một phần các bài báo lúc ở Pháp (1922 – 1923).

2. Sự ra đời của tác phẩm

- Đế quốc Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa (thật) để bù đắp cho thiệt hại trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất; đồng thời tuyên truyền cho công cuộc “khai hóa”. Vì vậy, tác phẩm đánh đòn mạnh vào kế hoạch đó của Pháp.
- Xuất bản ở Pari: quả bom trong lòng địch, gây ấn tượng lớn trong lòng nhân dân các nước thuộc địa, làm kẻ thù run sợ. Làm người Pháp có lương tri đồng tâm suy nghĩ về những hành động của thực dân Pháp làm ô danh nước Pháp.
- Phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới có bước phát triển mới (do chiến tranh thế giới và ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười). Vì vậy, tác phẩm – qua việc tố cáo tội ác của thực dân – đã làm luồng sinh khí mới và vạch ra con đường phải đi cho các nước thuộc địa.
- Khi trong phong trào CSQT còn tồn tại những khuynh hướng cơ hội về vấn đề dân tộc và thuộc địa như cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào cách mạng “chính quốc”, chờ sự thành công của cách mạng “chính quốc”. Vì vậy, tác phẩm phê phán những khuynh hướng cơ hội đó, góp phần “Bôn sê vich hóa” các ĐCS và công nhân, tẩy trừ các tư tưởng xã hội dân chủ trong Đảng.
- Tác phẩm đã cụ thể hóa các luận điểm của V.I.Lênin về chủ nghĩa đế quốc, nói cách khác, đây là cuốn sách viết về Chủ nghĩa đế quốc ở thuộc địa bằng sự việc, con số, con người cụ thể. Nó trở thành vũ khí chính trị, lý luận sắc bén của những người cách mạng ở thuộc địa.
- Việt Nam đã có dấu hiệu xuất hiện một cao trào cách mạng chống đế quốc. Vì vậy, cần có sự chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho ra đời đội tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo cách mạng. Vì vậy, tác phẩm đã cùng Báo *Thanh niên*, Đường cách mệnh làm việc ý nghĩa đó.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TÁC PHẨM

- Tác phẩm gồm XII chương:
- - Chương I: Thuế máu. (tr 25 – 38)
- - Chương II: Việc đầu độc người bản xứ.(tr 39 – 44)
- - Chương III: Các quan thống đốc.(tr 45 – 53)
- - Chương IV: Các quan cai trị.(tr 53 – 58)
- - Chương V: Những nhà khai hóa.(tr 59 – 74)
- - Chương VI: Tệ tham nhũng trong bộ máy cai trị.(tr 75 – 80)
- - Chương VII: Bóc lột người bản xứ.(tr 81 – 95)
- - Chương VIII: Công lí (tr 96 – 105).
- - Chương IX: Chính sách ngu dân(tr 106 – 109).
- - Chương X: Chủ nghĩa giáo hội. (tr 110 – 113)
- - Chương XI: Nỗi khổ của người phụ nữ bản xứ.(tr 114 – 122)
- - Chương XII. Nô lệ thức tỉnh. và một phần phụ lục. (tr 123 – 144)

1. Tư tưởng cách mạng tiến công

- Điểm nổi bật là chương XII: "*Nô lệ thức tỉnh*": Tác giả điếm qua một loạt cuộc biểu tình, phản kháng của nhân dân các dân tộc thuộc địa, rồi đưa ra hình ảnh cụ thể về cách mạng Nga, trong đó có trường Đại học Phương Đông, "cơ sở cho một liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản. Tác giả có lời kêu gọi đấu tranh gửi tới "anh em vô sản và những nông dân các thuộc địa". Những người bị áp bức này sẽ thi hành bản án, trừng trị bọn tội phạm là bè lũ thực dân.
- Tóm lại, khi viết *Bản án*, với tư cách là một chiến sĩ cách mạng, một cán bộ của QTCS, tác giả nhắm ba cái đích:
 - 1/ Lên án chủ nghĩa thực dân;
 - 2/ thức tỉnh và tranh thủ quần chúng lao động ở các thuộc địa;
 - 3/ nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của thuộc địa và trách nhiệm của những người cộng sản đối với các thuộc địa.
- Chương *Nô lệ thức tỉnh* là kết tinh những tư tưởng, chiến lược, sách lược và những phương pháp đấu tranh cách mạng... Đây chính là "cẩm nang" cho quần chúng đấu tranh cách mạng (như kiểu "*Luận cương*" của Lênin). Còn đối với kẻ thù thì chúng sẽ hết hoảng, run sợ.
- Tư tưởng cách mạng tiến công còn thể hiện ở bút pháp, phong cách: Lối văn châm biếm, "gây ông đập lưng ông" số liệu thống kê cụ thể.
- Rút ra quy luật "khoa học căm thù" trong cuộc đấu tranh vạch tội ác kẻ thù để đánh đổ chúng: Dũng cảm, kiên quyết đấu tranh để vạch rõ bản chất, âm mưu, hành động, bất chấp gian khổ, hy sinh. Quyết tâm cao, tiến công toàn diện.
- Đúng như C.Mác viết: "*Cần phải làm cho ách áp bức hiện thực càng nặng nề hơn nữa, bằng cách gắn vào nó cái ý thức về ách áp bức; cần phải làm cho sự ô nhục, càng ô nhục hơn nữa bằng cách công bố nó lên*" (Tuyển tập t.1, Nxb Sự thật, H,1980, tr.18

2 .Về cách mạng giải phóng dân tộc

- Được trình bày trong nhiều chương, nhưng tập trung ở chương *Nô lệ thức tỉnh*.
- Thể hiện qua những điều tố cáo chủ nghĩa đế quốc, sự thức tỉnh quần chúng, cổ vũ họ do:
- Đối tượng tiến công là chủ nghĩa thực dân, bọn gây nhiều tội ác đối với các dân tộc thuộc địa. Tội đầu tiên là tội hình sự, giết hại 8 vạn người. Từ đó tác giả nhân danh công lý – kêu gọi thế giới văn minh và người Pháp lương thiện sẽ đứng về phía chúng tôi để lên án bọn cá mập thực dân.
- Tội ác có tính chất tàn sát nhân loại: Tội ác của việc đầu độc người bản xứ (*Chương II: Việc đầu độc người bản xứ*), đầu độc bằng rượu và thuốc phiện. Đó là những thủ đoạn bỉ ổi nhất và những tội ác.
- Tác giả vạch mặt toàn quyền Anbe Xarô và toàn bộ máy thống trị của thực dân Pháp. Đó là các quan thống đốc (*Chương II*), các quan cai trị (*Chương IV*), những nhà khai hóa (*Chương VI*), những thủ phạm của tệ tham nhũng trong bộ máy cai trị (*Chương VI*). Tác giả gọi chúng là những "tên vô lại", "những kẻ đều cang không thể tưởng tượng nổi". Một cựu nghị sĩ đi thăm thuộc địa về đã phải kêu lên: "So với bọn viên chức thuộc địa thì những tên cướp đường còn là những người lương thiện".
- Tội cướp của, tức là bóc lột người bản xứ (*Chương VII*) bằng "những thứ thuế vô lý gấp trăm lần thuế đất thời phong kiến". Tác giả đã vạch trần tính chất xảo trá của đế quốc Pháp trong khi duy trì một chế độ đáng nguyền rủa thời trung cổ, nhưng lại luôn luôn trang điểm cho cái huy chương mục nát của nó bằng những châm ngôn lý tưởng – bình đẳng, bác ái, khai hóa văn minh (các chương VIII: Công lý; Chương IX: Chính sách ngu dân; Chương X: Chủ nghĩa giáo hội).
- Tác giả dành riêng một chương tố cáo chế độ thực dân gây nên bao nỗi khổ nhục của người bản xứ. Chúng đối xử hết sức bỉ ổi với phụ nữ bản xứ: bóc lột, đày đọa, hiếp, giết, thiêu, chặt xác, mổ bụng... Tác giả luận tội: "Người ta thường nói: "Chế độ thực dân là ăn cướp". Chúng tôi xin thêm: là hiếp dâm và giết người".

- - Ca ngợi sự vùng lên của phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa như Đahômây, Xyri, Ăngti, Guyađơlúp, Ăngiêri, Tuynidi, đặc biệt của nhân dân Đông Dương (công nhân các lò nhuộm ở Chợ Lớn).
- - Xác định cho cách mạng thuộc địa đi đúng hướng mà V.I Lênin vạch ra trong Sơ thảo lần thứ những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa, tức con đường cách mạng Nga, cách mạng vô sản (các khuynh hướng: macxit, cách mạng dân chủ tư sản, dưới ngọn cờ Hồi giáo, con đường đạo đức tôn giáo). Người viết: "Cách mạng dạy cho họ đấu tranh, cách mạng giúp đỡ họ về tinh thần và vật chất như V. I. Lênin đã viết trong Đề cương của Người về vấn đề thuộc địa.
- - Giai cấp vô sản ở từng nước hòa cùng với hàng trăm triệu người bị áp bức ở các thuộc địa và các nước lạc hậu mở trận tuyến tiến công vào dinh lũy của chúng.
- - Kẻ thù của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc là đế quốc và phong kiến, trong đó đế quốc là trùm sỏ: chủ nghĩa đế quốc đặt nền móng cho sự bóc lột, còn phong kiến ở thuộc địa "đều rập mình sát đất" trước bọn đế quốc.
- - Lực lượng đánh đổ chúng: Thời gian này Cụ Phan có "Mười hạng người đồng tâm", còn Nguyễn chưa nói "công nông là gốc cách mạng", nhưng dùng: "khắp nơi, giai cấp công nhân cũng bắt đầu giác ngộ về lực lượng và giá trị của mình". Người trích đưa các văn kiện vào tác phẩm của mình như Tuyên ngôn của Quốc tế Cộng sản kêu gọi anh em vô sản và nông dân các nước thuộc địa vùng lên chống chủ nghĩa đế quốc.
- - Phương pháp cách mạng: chủ động – sáng tạo – linh hoạt, không y lại chờ cách mạng chính quốc: "Vận dụng công thức của C.Mác, chúng tôi xin nói với anh em rằng cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em".
- (Vua Hàm Nghi, trong những ngày bị Pháp đày ở Ăngiêri vẫn đọc "Bản án" ngày 24/12/1943, khi nhà vua qua đời, người ta tìm thấy bản án "Bản án" trong tủ sách nhà vua).

3.Mối quan hệ giữa cách mạng ở thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc

-Vạch trần bản chất của chủ nghĩa tư bản bằng luận điểm nổi tiếng: "Chủ nghĩa tư bản...

-Nhiệm vụ giai cấp vô sản ở chính quốc...

-Hồ Chí Minh dẫn tư liệu tại Đại hội Bacu...

-Hồ Chí Minh yêu cầu Đảng Cộng sản Pháp...

4. Về chủ nghĩa quốc tế vô sản

- Vấn đề chung đặt ra trước các dân tộc...
- Tiếng nói chung của các dân tộc bị áp bức...
- Con đường chung giải phóng các dân tộc thuộc địa...

5. Về giá trị nhân đạo cộng sản

- Khi giai cấp vô sản đang lên thì chủ nghĩa nhân văn có những yếu tố tiến bộ...

6 .Bản án chế độ thực dân Pháp mở đầu kỷ nguyên văn học Việt Nam hiện đại

- Tóm lại
- Giá trị chính trị tư tưởng của tác phẩm
- Giá trị tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân.
- Vạch ra con đường xóa bỏ chế độ thực dân.
- Tác phẩm còn có nhiều giá trị khác.

- **Tài liệu**
- Bắt buộc: “Bản án chế độ thực dân Pháp”, Hồ Chí Minh toàn tập xuất bản lần thứ ba, Nxb.CTQG-ST,H 2011, tr 23-144
- **Phương pháp đánh giá:**
- Một lần (viết tiểu luận hoặc kiểm tra tùy theo điều kiện cụ thể)
- **Những vấn đề cần thảo luận, trao đổi:**
- Giá trị lý luận, thực tiễn của tác phẩm.

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM

CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG
 (in trong Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 3, xuất bản lần thứ 3, NXB
 CTQG – Sự thật, Hà Nội. 2011, tr.1 - 7)

1. BỐI CẢNH LỊCH SỬ RA ĐỜI CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

1.1. Bối cảnh quốc tế

- Cách mạng tháng Mười Nga thành công (1917) và sự ra đời của Quốc tế cộng sản (3/1919) dưới sự lãnh đạo của V.I Lênin là bước ngoặt trong lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đồng thời là dấu mốc quan trọng trong tiến trình phát triển của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc. Ở các nước tư bản, nhiều đảng dân chủ - xã hội thuộc Quốc tế 2 trước đó đã gia nhập Quốc tế cộng sản.
- Tại Đại hội Quốc tế cộng sản (1920), V.I Lênin đã trình bày : Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I Lênin và được Đại hội II Quốc tế Cộng sản thông qua, khẳng định cách mạng giải phóng dân tộc thuộc phạm trù cách mạng giải phóng vô sản; những người cộng sản phải giúp đỡ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc.
- V.I Lênin nhấn mạnh: "... điều quan trọng nhất trong chính sách của Quốc tế Cộng sản về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa là làm cho gắn gũi nhau để tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng chung nhằm lật đổ bọn địa chủ và giai cấp tư sản. Bởi vì chỉ có sự gắn gũi ấy mới bảo đảm việc chiến thắng chủ nghĩa tư bản, nếu không có chiến thắng đó thì không thể thủ tiêu được ách áp bức dân tộc và tình trạng bất bình đẳng"⁽¹⁾.

- Sau Đại hội II Quốc tế Cộng sản, dưới sự chỉ đạo của V.I Lênin và Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, tháng 7 – 1920, tại thành phố Ba Cu (Thủ đô Adécbaïdan thuộc Liên Xô cũ), Đại hội những người cộng sản và các chiến sĩ cách mạng phương Đông đã được tổ chức. Đây là sự kiện quan trọng thể hiện trách nhiệm tình đoàn kết chiến đấu giữa phong trào cộng sản và phong trào giải phóng dân tộc. Được sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản, trong những năm 1920 – 1921, ở Châu Á, Đảng Cộng sản đã được thành lập ở Ấn Độ, Trung Quốc, Triều Tiên, Indônêxia, Thái Lan,... Có thể nói, cách mạng giải phóng dân tộc theo xu hướng cách mạng vô sản bắt đầu có bước tiến mạnh mẽ.
- Tiếp sau Đại hội Ba Cu, năm 1921, Trường Đại học Cộng sản của những người lao động Phương Đông (gọi tắt là Trường Đại học Cộng sản Phương Đông) nhằm đào tạo cán bộ cách mạng các nước thuộc địa đã được thành lập theo quyết định của Quốc tế Cộng sản. Nhiều cán bộ cách mạng các nước phương Đông đã được gửi tới học tập.
- Tại đây, các học viên đã được trang bị những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và phương pháp tổ chức, lãnh đạo cách mạng. Gần 20 năm tồn tại (1921-1941), trường đã đào tạo hàng ngàn cán bộ cách mạng cho các nước Phương Đông, không ít người sau này trở thành lãnh tụ, cán bộ lãnh đạo có uy tín ở các nước, trong đó có Việt Nam. (Tháng 5/1943 căn cứ vào tình hình mới. Đoàn Chủ tịch Quốc tế Cộng sản thông qua nghị quyết giải tán).

* Đối với Đông Dương và Việt Nam

- Sau khi thành lập và trong quá trình hoạt động, Quốc tế Cộng sản đã quan tâm đến cách mạng Đông Dương. Tháng 4 – 1920, thành phố Sài Gòn đã được Quốc tế Cộng sản chọn làm địa bàn để thành lập trung tâm truyền bá lý luận cách mạng vào Đông Dương; hai cán bộ người Nga đã được phái đến để thực hiện. Nhưng tháng 11 – 1920, hai cán bộ này bị mật thám Pháp bắt và bị trục xuất. Có lẽ đây là sự kiện mà sau đó (1921), V.I. Lênin đã nhắc nhở Quốc tế Cộng sản: “Cần nghiên cứu kỹ hơn về vấn đề Đông Dương và Angiêri, nhưng đây là nhiệm vụ của những người Bôn-sê-vích không nên ủy thác cho ai khác là ủy thác chính mình”⁽¹⁾.
- Cùng với việc đào tạo hàng chục cán bộ cho cách mạng Việt Nam trong những năm 1920-1929, trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, tạo điều kiện và giúp đỡ lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thời kỳ Người hoạt động ở nước ngoài, Quốc tế Cộng sản còn yêu cầu các Đảng Cộng sản Ấn Độ, Trung Quốc,... giúp đỡ những người cách mạng Đông Dương trong việc thành lập đảng cộng sản, đồng thời có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp về vấn đề này. Ngày 27-10-1929, Ban Bí thư Quốc tế Cộng sản đã có thư gửi những người cộng sản Đông Dương chỉ đạo về việc thành lập đảng cộng sản⁽²⁾.

1.2. Bối cảnh trong nước và vai trò hoạt động của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

- Cuộc xâm lược Việt Nam do thực dân Pháp tiến hành từ 1858 và đánh dấu bằng sự kiện ép triều đình phong kiến Việt Nam ký Hiệp ước Patenôt (1884) chấp nhận sự đô hộ của chúng. Từ một quốc gia phong kiến độc lập, Việt Nam bị biến thành một nước thuộc địa nửa phong kiến. Mâu thuẫn cơ bản, nổi lên hàng đầu là mâu thuẫn của cả dân tộc đang bị nô lệ với kẻ xâm lược và các lực lượng phong kiến phản động. Chính vì vậy mà cuộc chiến đấu giành lại nền độc lập của cả dân tộc không lúc nào ngơi nghỉ, hoặc dưới ngọn cờ của các sĩ phu phong kiến, hoặc theo xu hướng dân chủ tư sản. Tuy nhiên, các phong trào này đều thất bại, phong trào yêu nước trong tình trạng khủng hoảng đường lối lãnh đạo.
- Giữa bối cảnh đó, ngày 5-6-1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành với tên gọi mới Văn Ba – sau này trở thành lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh đã xuất dương tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Người chọn hướng đi sang phương Tây, trong khi một số tổ chức, đảng chính trị cũng xuất hiện ở Việt Nam.
- Gần 10 năm hoạt động, Nguyễn Ái Quốc đã in dấu ở các nước tư bản lớn, nhiều nước thuộc địa khắp các châu lục. Tiếng sấm của Cách mạng tháng Mười Nga đã thôi thúc Người hướng về Lênin và nước Nga Xô Viết. Tại Pari, Người gia nhập Đảng Xã hội Pháp (1919), tham dự Đại hội Tua (1920) trở thành người cộng sản, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

- Đến với chủ nghĩa Mác – Lênin, khẳng định cách mạng Việt Nam muốn thành công phải đi theo con đường Cách mạng tháng Mười Nga – con đường cách mạng vô sản. Đặt cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam vào phạm trù cách mạng vô sản, Nguyễn Ái Quốc xác định nhiệm vụ phải nghiên cứu và truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin về nước, chuẩn bị tiền đề tới thành lập đảng cộng sản ở Việt Nam.
- Để từng bước thực hiện nhiệm vụ, mục đích ấy, Nguyễn Ái Quốc đã cùng một số nhà cách mạng thuộc địa thành lập *Hội liên hiệp thuộc địa* và xuất bản báo *Le Paria* nhằm tuyên truyền cách mạng, kêu gọi nhân dân các nước, các dân tộc thuộc địa cùng đứng lên chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc thực dân. Nguyễn Ái Quốc đã viết nhiều bài đăng trên các báo, tạp chí của Quốc tế Cộng sản, của Đảng Cộng sản Pháp, Đảng cộng sản Nga, các báo Nga; đặc biệt là biên soạn tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp...* nhằm mục đích lên án tội ác của chủ nghĩa thực dân đối với Đông Dương và các nước thuộc địa, thức tỉnh tinh thần độc lập dân tộc, kêu gọi đoàn kết đấu tranh.
- Tháng 6-1923, Nguyễn Ái Quốc tới Liên Xô và có nhiều hoạt động quan trọng ở Liên Xô và Quốc tế Cộng sản. Lời đề nghị: “Quốc tế Cộng sản cần phải giúp đỡ họ tổ chức lại, cần phải cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và chỉ cho họ con đường đi tới cách mạng và giải phóng”⁽¹⁾ của Người tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản đã được Quốc tế Cộng sản chấp thuận, hàng chục cán bộ cách mạng Việt Nam đã được tiếp nhận vào học trường Đại học Phương Đông và chính Người cũng được tham dự lớp ngắn hạn tại trường này và một số trường cán bộ của Đảng Cộng sản Liên Xô.

- Cuối năm 1924, được sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản và Đảng cộng sản Trung Quốc, từ Liên Xô Nguyễn Ái Quốc tới Quảng Châu (Trung Quốc) sáng lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (1925) và tổ chức các lớp đào tạo cán bộ cách mạng Việt Nam, xuất bản báo Thanh niên và sách Đường cách mệnh. Nhiều cán bộ được huấn luyện và phương pháp cách mạng được phải về nước hoạt động, xây dựng tổ chức. Tiến trình truyền bá lý luận về nước, xây dựng tổ chức đã tạo ra những bước phát triển vượt bậc của phong trào cách mạng trong nước. Những quan điểm lý luận của Nguyễn Ái Quốc về cách mạng thuộc địa – sự vận dụng sáng tạo lý luận Mác – Lênin dần dần trở thành tư tưởng chỉ đạo, hướng phong trào yêu nước, phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản. Sự vững vàng của các cán bộ do Người đào tạo, sự lớn mạnh của các tổ chức đã dẫn tới sự hình thành các tổ chức cộng sản ở nước ta vào giữa – cuối năm 1929 như Đông Dương Cộng sản Đảng (6-1929), An Nam Cộng sản Đảng (7-1929), Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (9-1929).
- Chỉ trong khoảng nửa năm, trong nước xuất hiện ba tổ chức cộng sản. Sự công kích, tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau trong khi yêu cầu của thực tiễn phong trào cách mạng nước ta phải có một đảng cộng sản thống nhất, đoàn kết lãnh đạo là một thực tiễn đòi hỏi phải được khắc phục, giải quyết.

- Nguyễn Ái Quốc nhận được những thông tin về tình hình trên khi Người hoạt động ở Đông – Bắc Xiêm (Thái Lan). Tự ý thức rõ vai trò, cương vị và trách nhiệm của mình, từ Xiêm, Người trở lại Quảng Châu, đồng thời triệu tập hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.
- Với tài năng, uy tín và tư cách đại diện của Quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã dự thảo các văn kiện và chủ trì Hội nghị thành lập Đảng với sự tham dự của các đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng (1). Hội nghị đã nhất trí thống nhất các tổ chức cộng sản trong nước thành một đảng cộng sản; định tên đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị đã thảo luận và thông qua các văn kiện do Nguyễn Ái Quốc dự thảo gồm Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam. Các văn kiện này đã xác định những vấn đề cơ bản về tính chất, mục tiêu, chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam; về Đảng và xây dựng Đảng, hợp thành Cương lĩnh đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (3 nd)

2.1. Xác định mâu thuẫn xã hội, đối tượng và lực lượng cách mạng

- Về tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam Cương lĩnh đã khái quát, chủ nghĩa đế quốc Pháp đã thực hiện chính sách độc quyền, “Tư bản bản xứ đã thuộc tư bản Pháp, vì tư bản Pháp hết sức ngăn trở sức sản xuất làm cho công nghệ bản xứ không thể mở mang được. Còn về nông nghiệp một ngày một tập trung, đã phát sinh ra lâm khủng hoảng, nông dân thất nghiệp nhiều. Vậy tư bản bản xứ không có thể lực gì ta không nên nói cho họ đi về phe đế quốc”(1).
- Hai mâu thuẫn cơ bản nổi lên hàng đầu là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lăng và mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến phản động.
- Từ xác định mâu thuẫn trên, Cương lĩnh xác định đối tượng của cách mạng Việt Nam là chủ nghĩa đế quốc thực dân Pháp và địa chủ, phong kiến phản động.
- Về lực lượng cách mạng và sách lược của Đảng, Cương lĩnh xác định: Đảng “phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa hẳn vào hạng dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng đánh trực bọn đại địa chủ và phong kiến”. “Đảng phải làm cho các đoàn thể thợ thuyền và dân cày (công hội, hợp tác xã), khởi ở dưới quyền lực và ảnh hưởng của bọn tư bản quốc gia”, “Đảng phải hết sức liên lạc với tiêu tư sản, trí thức, thanh niên, Tân Việt... để kéo họ đi vào phe vô sản, giai cấp”, “Còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến) thì phải đánh đổ”. “Trong khi liên lạc với giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thỏa hiệp, trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu nước An Nam độc lập, phải đồng thời tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới, nhất là vô sản giai cấp Pháp” (1)

2.2. Con đường, mục tiêu và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam

- Nội dung, quan điểm trong Cương lĩnh khẳng định rõ, con đường phát triển của cách mạng Việt Nam là con đường cách mạng vô sản, trải qua các bước với các mục tiêu là từ giải phóng dân tộc, thực hiện các nhiệm vụ dân chủ và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chiến lược cách mạng của Đảng mà Cương lĩnh đã chỉ ra là tiến hành “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản (1)
- Những mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể hay những chính sách lớn của Đảng mà Cương lĩnh khẳng định là:
 - **“A. Về phương diện xã hội thì**
 - Dân chúng được tự do tổ chức.
 - Nam nữ bình quyền...
 - Phổ thông giáo dục theo công nông hóa.
 - **B. Về phương diện chính trị**
 - a. Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến.
 - b. Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập.
 - c. Dựng ra Chính phủ công - nông - binh.
 - d. Tổ chức ra quân đội công - nông.

■ C. Về phương diện kinh tế

- a. Thu tiêu hết các thứ quốc trái
- b. Thu hết sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng...) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ công nông, binh quản lý.
- c. Thu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo.
- d. Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo.
- e. Mở mang công nghiệp và nông nghiệp.
- f. Thi hành luật ngày 8 giờ⁽¹⁾ (HCM TT SDD, T3, tr2- 3)

■ 2.3. Về Đảng và xây dựng Đảng

■ 2.3.1. Cương lĩnh khẳng định rõ bản chất giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản Việt Nam

- - Quan điểm nổi bật mà cương lĩnh đã xác định là: “Đảng là đội tiên phong của... giai cấp mình, phải làm cho/giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng” (HCM: T T, SDD, T3, tr3)
- - Nền tảng tư tưởng lý luận của Đảng là chủ nghĩa xã hội khoa học – lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin là vấn đề trong Cương lĩnh nêu rất khái quát, trực tiếp và rất rõ ràng: “Ai tin theo chủ nghĩa cộng sản, chương trình Đảng và Quốc tế Cộng sản, hăng hái tranh đấu và dám hy sinh phục tùng mệnh lệnh Đảng... thời được vào Đảng”⁽¹⁾.

- - Vai trò của Đảng là lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân lao động bị áp bức tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng, giành độc lập dân tộc, trở thành đảng cầm quyền và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Để thực hiện mục tiêu ấy, trong sự nghiệp cách mạng Đảng tuyên truyền, vận động mọi tầng lớp quần chúng yêu nước, kể cả những người thuộc tầng lớp trên, nhưng Đảng không bao giờ hy sinh quyền lợi của giai cấp công nhân và giai cấp nông dân – hai giai cấp “là chủ lực quân” của cách mạng cho giai cấp nào khác.

- - Những nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt của đảng kiểu mới của giai cấp công nhân được *Điều lệ vắn tắt của Đảng* khái quát rõ. Đây cũng là một trong những tiêu chí xác định bản chất giai cấp công nhân của đảng cộng sản nói chung, Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng.

■ 2.3.2. Về Xây dựng Đảng

- Vấn đề này được thể hiện tập trung trong *Điều lệ vắn tắt của Đảng*. Từ tên Đảng, tôn chỉ của Đảng, lệ vào Đảng với những quy định về tư tưởng chính trị, sự giác ngộ lý tưởng của người vào Đảng chính là sự thể hiện vấn đề xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng.

- Những quy định về hệ thống tổ chức của Đảng quy định các cấp bộ Đảng (4 cấp):

- cơ sở (chi bộ), Đảng bộ cơ sở (Huyện bộ, Thị bộ, hay khu bộ), Đảng bộ địa phương (tỉnh bộ, thành bộ hay đặc biệt bộ) và cao nhất là cấp Trung ương.

- Các mục quy định về tiêu chuẩn người vào Đảng, trách nhiệm của đảng viên, quyền lợi của đảng viên, các cấp đảng chấp hành ủy viên (cấp ủy), kinh phí đảng, kỷ luật đảng là những điều thể hiện những nguyên tắc xây dựng Đảng về tổ chức sinh hoạt Đảng, kỷ luật Đảng theo những nguyên tắc Mác - Xít được cụ thể hóa một cách vắn tắt, trong đó nổi bật là các nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc đoàn kết thống nhất trong Đảng và nguyên tắc kỷ luật đảng nghiêm minh.

III. Ý NGHĨA CỦA CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN

3.1. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng phù hợp với nguyện vọng của đại đa số quần chúng lao động và yêu cầu nước Việt Nam

- Đường lối của Đảng trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên đi vào thực tiễn cách mạng Việt Nam thể hiện giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành, bước lên vũ đài chính trị.
- Tuy có thời kỳ bị phê phán, bị thù tiêu, song quá trình quan điểm, đường lối của Đảng ta dần dần trở lại với Cương lĩnh chính trị đầu tiên, được bổ sung, phát triển trong những năm 1936-1939, 1939-1941, đặc biệt là khi Hồ Chí Minh về nước (1941), Đảng lãnh đạo Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, giành lại nền độc lập dân tộc đã chứng minh tính đúng đắn, khoa học cách mạng của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

3.2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đặt nền tảng và cơ sở lý luận cho sự kiên định quan điểm, đường lối của Đảng và cách mạng Việt Nam: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

- Tuy rất vắn tắt, nhưng về cơ bản Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc khởi thảo, Hội nghị thành lập Đảng thông qua những nội dung lớn về đường lối, mục tiêu của cách mạng Việt Nam là những quan điểm khoa học, cách mạng, là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin phù hợp với thực tiễn Việt Nam, vừa có tính lịch sử, vừa có tính khoa học cách mạng thời đại. Đứng trên lập trường của giai cấp công nhân, Cương lĩnh đã giải quyết khoa học về mối quan hệ biện chứng giữa dân tộc và giai cấp, dân tộc nghiên cứu theo giác độ chủ nghĩa xã hội khoa học, nhấn mạnh yếu tố dân tộc trong phạm trù cách mạng vô sản là nét độc đáo, sáng tạo trong các quan điểm của Cương lĩnh đầu tiên của Đảng.
- Việc Đảng Cộng sản Việt Nam trong lãnh đạo công cuộc đổi mới khẳng định chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam của Đảng và cách mạng thể hiện sự trung thành với lý tưởng và con đường Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh đã lựa chọn.

3.3. Các văn kiện do Nguyễn Ái Quốc dự thảo – Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, dấu mốc khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh hình thành cơ bản

- Thành công của Hội nghị hợp nhất, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, các văn kiện do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc dự thảo – Cương lĩnh đầu tiên của Đảng được Hội nghị thông qua là bước ngoặt trong tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam.
- Quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành đường lối cách mạng và đi vào thực tiễn, được bổ sung trong tiến trình cách mạng là nhân tố quan trọng hàng đầu đưa sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ta đi từ thắng lợi này tới thắng lợi khác.
- Nội dung tư tưởng, quan điểm của Nguyễn Ái Quốc trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng là sự thể hiện cô đọng những tư tưởng, quan điểm mà Người đã thể hiện qua nhiều bài viết, bài nói trước đó, đặc biệt là trong các tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, *Đường cách mệnh*, trong báo *Thanh Niên* cùng sự tổng kết, đúc rút từ hoạt động thực tiễn. Tư tưởng, quan điểm ấy đã được cụ thể hóa thành quan điểm đường lối của Đảng về cách mạng Việt Nam và đi vào thực tiễn, được thực tiễn lịch sử cách mạng kiểm chứng tính khoa học, đúng đắn, sáng tạo bằng những thắng lợi.

MỘT SỐ TÁC PHẨM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ QUÂN SỰ

- T.S, GVC. VŨ QUANG ÁNH:
- SĐT 0904619685.
- Khoa : Tư tưởng Hồ Chí Minh

I. BỐI CẢNH RA ĐỜI CÁC TÁC PHẨM

1. Tình hình thế giới

- Cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc đang phát triển mạnh và thu nhiều thắng lợi.
- Sau đại chiến thế giới thứ hai, nhiều nước thuộc địa đã giành được độc lập: Việt Nam, Philippin, Indoonêxia, Ấn Độ...
- Chủ nghĩa đế quốc bị đẩy lùi, chủ nghĩa tư bản bị khủng hoảng, bị thu hẹp phạm vi ảnh hưởng, nhưng họ vẫn ra sức tìm cách duy trì sự tồn tại, tìm cách nô dịch các dân tộc thuộc địa.

I. BỐI CẢNH RA ĐỜI CỦA TÁC PHẨM

2. Tình hình trong nước

- Cuối năm 1924, Hồ Chí Minh về Quảng Châu, Trung Quốc mở các lớp huấn luyện cách mạng cho những thanh niên Việt Nam yêu nước.
- Từ sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam phát triển ngày càng mạnh mẽ.
- Sau khi giành được độc lập năm 1945, nhân dân ta lại phải tiến hành cuộc kháng chiến trường kì chống thực dân Pháp khi chúng xâm lược nước ta lần thứ II.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TÁC PHẨM

1. Tác phẩm: Công tác quân sự của Đảng trong nông dân

1.1. Xuất xứ tác phẩm

- Tác phẩm của Hồ Chí Minh được xuất bản tại Đức năm 1928 (hiện đăng trong Hồ Chí Minh toàn tập, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, từ trang 564 đến trang 586).
- Đây là bài giảng của đồng chí Nguyễn Ái Quốc tại Trường Quân sự của những người cộng sản Đức ở Mátxcova cuối năm 1927.

1.2.Nội dung tác phẩm

- *Vai trò của nông dân trong cách mạng vô sản.*

Tác phẩm chỉ rõ: “Cách mạng vô sản không thể thắng lợi được ở những nước nông nghiệp và nửa nông nghiệp nếu giai cấp vô sản không được quần chúng nông dân ủng hộ tích cực” (tr.564).

- *Về công tác quân sự của Đảng.*

Một trong những vấn đề trung tâm của hoạt động quân sự là sự hình thành các đội du kích nông dân.

Từ nghiên cứu lịch sử chiến tranh du kích ở nhiều nước, nhất là thực tiễn trên đất nước Trung Quốc, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ những đặc điểm về sự hình thành, về tổ chức và về những nguyên tắc hoạt động của chiến tranh du kích như sau:

+ Chiến tranh du kích phát triển qua nhiều giai đoạn

+ Các lực lượng du kích nông dân là đối tượng tranh thủ các thế lực chính trị khác nhau phục vụ mục đích chính trị của mình. Vì vậy, Đảng cách mạng cần nắm lấy lực lượng du kích nông dân để phục vụ mục đích chính trị của mình.

+ Những điều kiện của cuộc đấu tranh, quy mô phong trào cách mạng ở nông thôn, đối tượng đấu tranh của nhân dân là những nhân tố quy định các hình thức du kích ở mọi thời điểm, ở mọi nước. Các hình thức chiến đấu, đến lượt nó quy định các tổ chức và kết cấu các đơn vị du kích.

+ Về tổ chức, phong trào du kích phải tuân theo đầy đủ những điều kiện sau đây: Tổ chức phải uyển chuyển, có nhiều cấp có khả năng hoạt động độc lập, tổ chức phải cơ động, có khả năng hoạt động nhanh, có sức bật nhanh do hoàn cảnh đòi hỏi phải chuyển từ bí mật sang công khai, có khả năng kết hợp khéo léo các hoạt động công khai, nửa công khai và bí mật.

1.3. Ý nghĩa của tác phẩm:

- Đây là tác phẩm lý luận quân sự đầu tiên của Hồ Chí Minh.
- Tác phẩm nêu cao vai trò của người nông dân trong quá trình xây dựng lực lượng du kích và hoạt động du kích trong đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản.
- Tác phẩm là cơ sở tư tưởng cho các tác phẩm sau này của Hồ Chí Minh như: Chiến tranh du kích, Kinh nghiệm du kích Tàu, Kinh nghiệm du kích Nga...
- Hồ Chí Minh là người đặt nền móng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

2. Tác phẩm: Chiến thuật du kích

2.1. Xuất xứ và kết cấu tác phẩm:

* *Xuất xứ tác phẩm:*

- “*Chiến thuật du kích*” (Quyển II) được Việt Minh xuất bản năm 1942, sau in trong tập 3, Hồ Chí Minh toàn tập, 15 tập, NXB CTQG, H, 2011, tr.285 – 302.

- “*Chiến thuật du kích*”, Việt Minh xuất bản 5 – 1944, sau in trong tập 3, Hồ Chí Minh toàn tập, 15 tập, NXB CTQG, H, 2011, tr.497 – 536.

- “*Chiến thuật du kích*” (Quyển IV), Việt Minh xuất bản năm 1944, sau in trong tập 3, Hồ Chí Minh toàn tập, 15 tập, NXB CTQG, H, 2011, tr.543 – 554.

Đây là những cuốn sách về chiến tranh du kích, được sử dụng làm tài liệu huấn luyện cho cán bộ quân sự trong thời gian chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám năm 1945.

**Kết cấu tác phẩm:*

- Tác phẩm “*Chiến thuật du kích*” (Quyển II) – 1942, gồm 2 phần:

I. Mục đích của chiến thuật du kích

II. Sự chiến đấu của đội du kích

-Tác phẩm “*Chiến thuật du kích*” 5-1944 gồm 13 chương:

Chương I: Du kích là gì?

Chương II : Tổ chức đội du kích.

Chương III : Nguyên tắc của cách đánh du kích.

Chương IV : Cách tiến công, tập kích.

Chương V : Phục kích.

Chương VI : Cách phòng ngự.

Chương VII : Cách đuổi giặc.

Chương VIII : Cách rút lui.

Chương IX : Phá hoại.

Chương X : Thông tin và liên lạc.

Chương XI : Hành quân.

Chương XII : Đóng quân.

Chương XIII : Căn cứ địa.

-Tác phẩm “*Chiến thuật du kích*” (Quyển IV), 1944, gồm 3 phần : tr 543 – 554 .

I. Chiến thuật phòng ngự

II. Chiến thuật đánh đuổi.

III. Chiến thuật rút lui.

2.2. Nội dung cơ bản của tác phẩm

2.2.1. Tác phẩm “Chiến thuật du kích” (Quyển II) – 1942

Hồ Chí Minh chia tác phẩm thành 2 nội dung:

Phần I : Mục đích của chiến thuật du kích

-“Mục đích của chiến thuật du kích giải thích theo nghĩa sâu rộng của nó cốt là để hoàn toàn tiêu diệt địch nhân, giành lấy quyền độc lập cho dân tộc, xứ sở, nhưng ta giải thích theo ý nghĩa thấp hơn, eo hẹp hơn” (tr.287)

- Sau đó Hồ Chí Minh nêu các mục đích cụ thể (8 mục đích)

Phần II : Sự chiến đấu của đội du kích

Trong phần II này, tác giả đưa ra 5 nội dung lớn

Thứ nhất, Nguyên tắc chiến đấu

Hồ Chí Minh nêu 9 nguyên tắc đánh

Thứ hai, cách đối phó với địch nhân lúc ưu thế.

Tác giả nêu 4 cách đối phó với địch

Thứ ba, cách xử trí đối với địch nhân yếu thế

Thứ tư, làm thế nào để công kích địch nhân.

Hồ Chí Minh đưa ra 3 cách đánh

Thứ năm, làm thế nào để do thám địch nhân

2.2.2. Tác phẩm Chiến thuật du kích (5-1944)

Chương I: Du kích là gì?

Hồ Chí Minh trả lời câu hỏi này như sau : “Du kích là đánh úp hay đánh lén, đánh lúc kẻ thù không ngờ, không phòng. Du kích là cách đánh giặc của dân tộc bị áp bức chống đế quốc” (tr.499)

Muốn đánh du kích cho thắng lợi cần 4 điều :

- Phải có con đường chính trị đúng
- Phải dựa trên cơ sở quần chúng
- Phải có tổ chức vững chắc và nghiêm mật
- Phải có lối đánh giỏi

Chương II : Tổ chức đội du kích

Trong chương này, Hồ Chí Minh nêu 4 nội dung : 1. Tiêu tổ du kích, 2. Chi đội, 3. Tư cách đội viên du kích, 4. Cơ quan chỉ huy.

Chương III : Nguyên tắc của cách đánh du kích

- Theo Hồ Chí Minh đánh du kích cần chú ý tới 4 nguyên tắc chính
- Để đánh du kích thắng lợi cần chú ý đến 4 mưu mẹo lớn
- Trong đánh Tây – Nhật, Hồ Chí Minh yêu cầu du kích cần nhằm vào 9 động tác.

Chương IV : Cách tiến công, tập kích

Hồ Chí Minh khẳng định : du kích bao giờ cũng tiến công. Có 2 cách tiến công, một là tập kích, hai là phục kích.

Về tập kích.

Muốn tập kích được thắng lợi phải chuẩn bị bí mật và chu đáo, lúc tiến đánh phải nhanh chóng và kiên quyết. Vậy phải làm đúng mấy điều sau đây:

- Trinh thám : muốn đánh du kích cần trinh thám biết rõ 3 điều
- Xếp đặt kế hoạch và chuẩn bị : cần chú ý tới mấy 3 điều
- Bắt đầu ra đi : cần chú ý thực hiện khi đi đường
- Lúc đến chỗ tập kích : cần thực hiện khi đến chỗ tập kích
- Xung phong : dấu hiệu tiến công đã ra là phải xung phong ngay.
- Sau khi tập kích : cần làm tốt các việc

Chương V : Phục kích

Hồ Chí Minh chỉ rõ : Phục kích là “ẩn nấp trong một chỗ trực quân giặc đi qua thoát ra đánh úp. Phục kích dễ dàng thắng lợi hơn tập kích, vậy đội du kích cần chú ý nhiều về cách phục kích nhất là đội du kích mới bắt đầu hoạt động, chưa có kinh nghiệm, chưa rèn luyện nhiều”.

Để đánh phục kích thắng lợi cần làm tốt mấy điểm sau:

1. Trình thám tình hình giặc.
2. Chọn chỗ phục kích.
3. Lúc đến chỗ phục kích.
4. Lúc tiến hành phục kích.
5. Sau khi phục kích thắng lợi.
6. Phục kích những binh lính lẻ tẻ của giặc.
7. Phục kích đội vận tải hay đội thu lương thực của giặc.
8. Phục kích lính cưỡi ngựa, xe ô tô, xe hỏa, thuyền, tàu.

Chương VI : Cách phòng ngự

Phòng ngự có 2 cách : Phòng ngự ở ngoài căn cứ địa và phòng ngự ở căn cứ địa của mình.

- I. Cách phòng ngự ở ngoài căn cứ địa.
- II. Cách phòng ngự ở căn cứ địa của mình.

Chương VII : Cách đánh đuổi giặc

Khi quân giặc thua, rút chạy thì du kích phải đuổi theo để tiêu diệt chúng vì chúng đang khó khăn. Nếu cần thì huy động nhân dân giúp sức. Nhưng không nên đuổi theo địch quá xa. Cần chú ý giải quyết chiến trường : cứu tải thương binh, thu dọn đồ đạc, xử lý tù binh, đề phòng máy bay địch đến ném bom...

Chương VIII : Cách rút lui

Đánh du kích cần phải biết cách rút lui, vì sau một trận đánh, dù được hay thua du kích cũng cần phải rút lui ngay, có khi đánh mà thấy giặc mạnh quá cũng cần phải rút lui mau.

Đánh được rồi rút thì dễ, đánh thua mà rút thì khó. Nếu không may đánh thua hoặc gặp địch quá mạnh thì phải rút lại bị giặc đuổi theo cần chú ý 5 điều

Chương IX : Phá hoại

Có hai điều cần chú ý khi làm nhiệm vụ phá hoại. Đó là nguyên tắc trọng yếu của cách phá hoại và cách thức phá hoại.

- Nguyên tắc trọng yếu của cách đánh phá hoại
- Cách thức phá hoại

Hồ Chí Minh chỉ dẫn cách phá hoại 5 đối tượng

Chương X : Thông tin và liên lạc

Theo Hồ Chí Minh, đánh du kích cần xếp đặt thông tin và liên lạc cho nhanh chóng, chắc chắn và chu đáo. Không có thông tin liên lạc với các nơi thì đội du kích đứng chơ vơ giữa trời, không làm gì được.

Chương XI : Hành quân

-Theo Hồ Chí Minh, lúc hành quân cần chú ý 3 điều : Một là nhẹ nhàng nghĩa là chỉ mang theo những đồ thật cần thiết ; hai là nhanh chóng, nhanh chóng chùng nào hay chùng ấy ; ba là bí mật, không những bí mật với quân thù mà còn bí mật với quần chúng nữa.

-Lúc hành quân cần xếp người trinh thám hóa trang đi trước.

-Lúc hành quân nếu đằng trước có giặc thì người đội trưởng phải đi trước, chính trị viên đi sau. Nếu đằng sau có giặc thì đội trưởng đi sau, nếu hai bên có giặc thì đội trưởng đi giữa.

Chương XII : Đón quân

Hồ Chí Minh chỉ rõ : Đón quân phải lựa chọn chỗ thuận tiện để nghỉ ngơi và phòng thủ. Nếu chỗ đón quân xa quân thù và có địa thế hiểm yếu không sợ quân thù đánh úp thì có thể đón quân trong làng.

Khi đón quân nơi nào, người đội trưởng phải xem xét tỉ mỉ địa hình, chú ý đường tiến đường thoái, cách đối phó khi bị đánh úp bất ngờ. Đồng thời quyết định chỗ tập hợp và chỗ canh gác.

Lúc nghỉ ngơi phải tập trung một chỗ, không nên phân tán ở nhiều nhà, vũ trang và đồ đạc phải sẵn sàng bên cạnh, nếu cần súng cứ mang bên người và lên đạn.

Chương XIII : Căn cứ địa

Theo Hồ Chí Minh, đội du kích lúc hoạt động đánh quân thù cần có một vài nơi đứng chân làm cơ sở. Tại nơi đây, đội du kích tàng trữ lương thực, thuốc men, đạn dược, lâu lâu về đó nghỉ ngơi, luyện tập, nơi ấy phải có địa thế hiểm yếu che trở và quần chúng cảm tình ủng hộ.

2.2.3. Tác phẩm “Chiến thuật du kích” (Quyển IV) – (1944).

Tác phẩm được chia ra thành 3 phần:

I. Chiến thuật phòng ngự

Hồ Chí Minh nêu chiến thuật phòng ngự có 2 loại:

Một là, chiến thuật phòng ngự là nơi chống Nhật – Pháp

Hai là, Chiến thuật phòng ngự những nơi căn cứ chống Nhật-Pháp. Hồ Chí Minh phân tích nơi căn cứ chống Nhật – Pháp, đó là do đội du kích lập ra hoặc do đội du kích hợp sức với chính quy mà lập ra, do vậy phải cố sức bảo vệ nó.

II. Chiến thuật đánh đuổi:

Hồ Chí Minh nêu: Chiến thuật đánh đuổi của quân địch phải chia thành 2 trường hợp:

Một là, đánh đuổi địch bị đội du kích đánh bại.

Hai là, đánh đuổi quân địch bị quân chính quy đánh bại.

III. Chiến thuật rút lui

Theo Hồ Chí Minh: Trong lúc thua phải rút lui hoặc nghe tin quân địch mạnh sắp đến cần phải chú ý 5 điều:

- Một là, chọn ra một số đội viên chống với quân địch để che trở cho số đông rút lui...
- Hai là, đội trưởng phải tỏ tinh thần kiên quyết của mình... phải làm gương can đảm cho đội viên.
- Ba là, vẫn phải gần gũi với quần chúng...
- Bốn là, rút lui phải có kế hoạch, phải có mưu mẹo...
- Năm là, lúc đã tránh khỏi bị đuổi thì tìm ngay một nơi chắc chắn, hết sức cố động dân chúng lập ra một chỗ đứng chân, tổ chức lại đội du kích cho vững vàng hơn và chuẩn bị tiến đánh quân du kích...

2.3. Ý nghĩa tác phẩm:

-Về lý luận :

+Nội dung tác phẩm thể hiện sự kế thừa và phát triển truyền thống đánh giặc giữ nước, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh của dân tộc Việt Nam.

+ Là sự vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận chiến tranh nhân dân vào thực tế kháng chiến chống quân xâm lược ở một nước thuộc địa.

-Về thực tiễn :

+ Tác phẩm góp phần trực tiếp bồi dưỡng kiến thức chiến thuật du kích cho chiến sỹ và đồng bào ta trong đấu tranh chính quyền và kháng chiến chống Pháp.

+ Tác phẩm là cơ sở lý luận để Đảng đề ra đường lối quân sự chuẩn bị cho cuộc đấu tranh giành chính quyền và kháng chiến chống Pháp.

3. Tác phẩm : Phép dùng binh của Tôn Tử

3.1. Về Tôn Tử và nội dung tác phẩm Phép dùng binh của Tôn Tử

-Tôn Tử là Tôn Vũ, người Lạc An, nước Tề (nay thuộc Sơn Đông sống vào cuối thời Xuân Thu, Trung Quốc, 770 – 476 TCN).

Tôn Vũ được đánh giá là “ thủy tổ của binh học phương Đông”

-Về tác phẩm của Tôn Tử:

+ “Binh pháp Tôn Tử” là tác phẩm nổi tiếng của Trung Quốc.

+ Phép dùng binh của Tôn Tử được đánh giá là một binh pháp có giá trị từ xưa đến nay.

+ Phép dùng binh của Tôn Tử là một bộ hình thư ra đời sớm nhất Thế giới khoảng từ 496 – 453 TCN.

+ Phép dùng binh của Tôn Tử được dịch ra nhiều thứ tiếng, lưu truyền khá rộng rãi, được nghiên cứu ở nhiều nước, trong nhiều thời đại khác nhau.

- *Bố cục và nội dung của tác phẩm “Phép dùng binh của Tôn Tử”*

+ *Bố cục* : Tác phẩm gồm 13 thiên :

1.Thủy kế ; 2.Tác chiến ; 3.Mưu công ; 4.Quân hình ;
5.Binh thế ; 6.Hư thực ; 7.Quân thanh ; 8. Cứu biến ;
9.Hành quân ; 10. Địa hình ; 11. Cứu địa ; 12. Hòa công ;
13. Dụng gián.

+ *Nội dung* : phong phú, bao gồm quan niệm về chiến tranh đến chiến lược chiến dịch, chiến thuật trong các cuộc chiến tranh...

Bao trùm lên tất cả là tư tưởng triết học quân sự (đã vạch ra được quan hệ giữa chiến tranh với chính trị và kinh tế, giữa chiến lược chiến dịch, chiến thuật, giữa con người với vũ khí...)

3.2. Hoàn cảnh ra đời tác phẩm dịch “*Binh pháp Tôn Tử*” của Hồ Chí Minh

- Cuối năm 1944 đầu năm 1945, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta phát triển mạnh mẽ.
- Nhiều tổ, đội vũ trang và du kích được thành lập.
- Hình thức đấu tranh vũ trang ngày càng phổ biến, nhất là vùng căn cứ địa.
- Nhu cầu bồi dưỡng và trang bị kiến thức quân sự cho cán bộ chiến sĩ ngày càng cao.
- Tác phẩm dịch “*Binh pháp Tôn Tử*” ra đời, được Việt Minh xuất bản tháng 2 năm 1945 (trong Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 3).

3.3. Đặc điểm của bản dịch “*Binh pháp Tôn Tử*” của Hồ Chí Minh.

Một là, Hồ Chí Minh sắp xếp thành 13 chương theo đúng nguyên tắc.

- Kế hoạch
- Phép chiến tranh
- Đánh bằng mưu
- Quân hình
- Thế của binh
- Chỗ mạnh và chỗ yếu
- Quân tranh
- Chín dự biến
- Phép hành quân
- Địa hình
- Chín thứ đất
- Phép đánh bằng lừa
- Dùng trinh thám

Hai là, chỉ dịch theo nghĩa, không dịch từng câu, từng chữ.

Ba là, diễn đạt ngắn gọn, khiến người đọc dễ hiểu, dễ tiếp thu.

3.4. Quan điểm của Hồ Chí Minh về Tôn Tử và “Binh pháp Tôn Tử”.

- Hồ Chí Minh đánh giá cao Tôn Tử và “Binh pháp Tôn Tử” . Hồ Chí Minh viết “Ông Tôn Tử là một người quân sự có tiếng nhất của Trung Quốc
 - Nguyên tắc của Tôn Tử chẳng những dùng về quân sự đúng, mà dùng về chính trị cũng rất hay” (tr.557)
 - Hồ Chí Minh chủ trương học tập, vận dụng những nguyên lý của Tôn Tử.
- +Người vận dụng nhiều mệnh đề, nhiều nguyên lý quân sự của Binh pháp Tôn Tử như : “*Tri bỏ, tri kĩ*”, “*Tiên tri*” ...
- +Hồ Chí Minh thể hiện quan điểm đúng đắn trong học tập, tiếp thu kinh nghiệm Thế giới : tiếp thu có chọn lọc những điều có ích cho sự nghiệp cách mạng.
- Lấy thực tiễn đấu tranh cách mạng Việt Nam làm điểm xuất phát để tiếp thu, học tập.

III. Giá trị các tác phẩm quân sự Hồ Chí Minh :

1.Giá trị lý luận :

- Các tác phẩm của Hồ Chí Minh về quân sự thể hiện sâu sắc những quan điểm lý luận quân sự Mác – xít đầu tiên ở Việt Nam, đồng thời là bộ phận quan trọng trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Các qua điểm của Hồ Chí Minh về quân sự thể hiện sự vận dụng và kết hợp tài tình quan điểm quân sự Mac Lenin với truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam và tinh hoa văn hóa phương Đông về quân sự.
- Các tác phẩm của Hồ Chí Minh về quân sự khẳng định Hồ Chí Minh là người đặt nền móng xây dựng quân đội nhân dân Việt Nam và lý luận về quân sự và chiến tranh cách mạng ở Việt Nam trong thế kỉ XX.

2. Giá trị thực tiễn :

- Các tác phẩm của Hồ Chí Minh về quân sự là cơ sở lý luận để Đảng ta đề ra đường lối quân sự trong quá trình phát triển cách mạng Việt Nam, là cơ sở góp phần làm nên chiến thắng vĩ đại của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.
- Các tác phẩm của Hồ Chí Minh về quân sự đã trực tiếp cung cấp những kiến thức quân sự thiết thực cho quân và dân ta trong cuộc đấu tranh giành độc lập, trong kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ cứu nước.
- Những quan điểm quân sự của Hồ Chí Minh trong các tác phẩm này vẫn còn nguyên giá trị trong cuộc sống xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay của toàn đảng, toàn quân và toàn dân ta.

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP CỘNG HÒA VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG SẢN

I. HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA TÁC PHẨM (in trong tập 4 từ trang 1 – 3 trong HỒ CHÍ MINH toàn tập – xuất bản lần thứ 3 - năm xuất bản 2011)

1. Về tình hình thế giới

Đầu năm 1945, cuộc chiến tranh thế giới lần hai đi vào giai đoạn cuối và thắng lợi vang dội của quân Đồng minh, gồm 26 nước (Liên minh các nước chống chủ nghĩa phát xít , họp 1/1942 , tại oasinh ton = Mỹ}.

Ngày 9-5-1945,ở Châu Âu, phát xít Đức bị tiêu diệt hoàn toàn. Cuối tháng 7-1945, Đồng minh mở hội nghị pôtdam.

Ngày 15-8-1945, ở Châu Á, phát xít nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh vô điều kiện. Đây là những cơ hội hiếm có cho các nước thuộc địa đứng lên đấu tranh giải phóng dân tộc trong đó có Việt Nam.

2. Tình hình trong nước

Sau hội nghị Trung ương lần thứ Tám (5-1941) phong trào cách mạng trong nước đã có bước phát triển mới. Đặc biệt sau sự kiện mùng 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp, ngày 13-3-1945, Thường vụ Trung ương ra chỉ thị **“Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”** phát động cao trào kháng Nhật cứu nước, động viên toàn lực lượng để tiến tới giành chính quyền.

- Ngày 23-8,1945, Trung ương Đảng về Hà Nội.
- ngày 2 -9-1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn độc lập trước hàng chục vạn đồng bào, tuyên bố khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA TÁC PHẨM

1. Cơ sở pháp lý của tuyên ngôn độc lập

- Tuyên ngôn độc lập là văn bản chính thức tuyên bố về quyền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam. Mở đầu tuyên ngôn độc lập, Hồ Chí Minh đã dẫn chứng một chân lý được ghi nhận trong hai văn kiện lịch sử của thế giới – tuyên ngôn độc lập của Mỹ (1776) và tuyên ngôn về nhân quyền và dân quyền của pháp (1791). Bằng những dẫn chứng mở rộng từ quyền con người đến quyền dân tộc, Tuyên ngôn độc lập đã xác nhận được căn cứ vững chắc, nêu lên “Một lẽ phải không ai có thể chối cãi được” để khẳng định quyền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam.

Ở đây cần chú ý trong trật tự từ Hồ Chí Minh dùng người ta “Đều sinh ra...” chứ không phải “sinh ra đều...”. Nói như vậy là nhấn mạnh quyền bình đẳng là tự nhiên của con người, có từ trước khi con người sinh ra, nên con người vừa ra đời cũng đồng nghĩa với việc có quyền tự do, bình đẳng đối với mỗi người không phải là cái mà con người phải đấu tranh để giành lấy, mà là quyền tự nhiên đương nhiên được thừa nhận. Vì vậy kẻ nào dám chà đạp lên tự do, bình đẳng của con người, kẻ đó đang vi phạm lên nhân quyền và nhân định sẽ bị trừng trị.

* Câu trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Mỹ và Pháp là tiền đề, cơ sở pháp lý cho nền độc lập ở Việt Nam, thể hiện sự sắc sảo về tư duy, khôn khéo trong lập luận và nhạy bén về chính trị của Hồ Chí Minh. Điều đó thể hiện :

Thứ nhất, Hồ Chí Minh rất trân trọng những giá trị mang tính phổ biến mà tổ tiên người Mỹ, người Pháp đã đúc kết, đã đổ bảo mồ hôi, xương máu mới có được. Mặt khác, Người cũng ngầm đặt ba cuộc cách mạng ngang hàng, bình đẳng nhau. Cách mạng Việt Nam cũng ngang hàng với các cuộc cách mạng lớn trên thế giới.

Thứ hai, trong bối cảnh lịch sử nước ta lúc đó, việc xác lập căn cứ lập luận này còn thể hiện tầm nhìn xa, trông rộng của Hồ Chí Minh. Thời bấy giờ những tư tưởng của chủ nghĩa tư bản còn có ma lực, thuyết phục lý trí tình cảm của con người. Hai bản tuyên ngôn nổi tiếng của Mỹ và Pháp đang có ảnh hưởng rộng rãi, thế giới còn chưa biết nhiều đến luận cương về vấn đề dân tộc của V.I Lê nin. Việc trích dẫn này lập tức tạo nên sự công nhận rộng rãi, sức thuyết phục tối đa, sự thông suốt của dư luận quốc tế.

Thứ ba, đến đầu thế kỷ XX, Việt Nam được biết đến như là một bang của liên bang Đông Dương thuộc Pháp. Trong hoàn cảnh lúc đó, nếu đưa ra quan điểm, lý lẽ của dân tộc mình sẽ không thuyết phục được đông đảo nhân dân thế giới. Vì vậy việc lựa chọn trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Pháp và Mỹ càng cho thấy sự tinh tế nhạy cảm của Hồ Chí Minh trong quan hệ ngoại giao.

Thứ tư, với việc viện dẫn ra hai bản tuyên ngôn của Mỹ và Pháp, Hồ Chí Minh cũng cho thấy, loại người đã bước qua lâu rồi thời kỳ mông muội, dã man. Cả mặt đạo lý và mặt pháp lý đều được làm sáng tỏ trong nguyên tắc về quyền dân tộc, kẻ thù không thể chối cãi được.

Như vậy, chỉ bằng một đoạn văn ngắn mở đầu, tuyên ngôn độc lập đã đưa ra những căn cứ, lý lẽ xác đáng cho lập luận, khẳng định chân lý “Quyền được sống, quyền được tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của dân tộc Việt Nam cũng như mọi dân tộc khác trên thế giới”.

2. Luận tội thực dân Pháp

Đối chiếu với nguyên lý rõ ràng ở trên, Hồ Chí Minh đã đưa ra một thực tế : “Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do bình đẳng bác ái đến cướp nước ta, áp bức đồng bào ta”. Tuyên ngôn độc lập là lý luận để chứng minh rằng quyền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam là chân chính, là bức thành lý lẽ mà mọi luận điệu của kẻ thù có dã tâm dù cố tình biểu bác đến đâu cũng sẽ bị đánh đổ.

Diễn biến lịch sử 5 năm cuối (1940-1945) được Hồ Chí Minh tổng hợp tóm tắt, trong tội ác của thực dân Pháp bị phơi bày một cách rõ ràng khúc triết – 5 tội ác về chính trị và 4 tội ác về kinh tế. việc nêu ra như vậy chỉ có tính chất tổng kết tương đối nhưng có ngụ ý sâu xa. Nghĩa là dù bóc lột về kinh tế còn nặng nề, dù đời sống vật chất thiếu thốn đến đâu cũng không so được với mất tự do **về chính trị** ; việc bóc lột chèn ép về kinh tế tuy có dã man, nhưng việc trà đạp lên phẩm chất con người, trà đạp lên độc lập, tự do của một dân tộc còn tệ hại hơn nhiều.

Vạch rõ những thủ đoạn thâm độc, những tội ác của Pháp, Hồ Chí Minh dùng phương pháp so sánh để chỉ ra những việc chúng làm trên thực tế trái ngược hẳn với thực tế mà chúng rêu rao, hô hào : “tự do, bình đẳng, bác ái” nhưng lại “tuyệt đối không cho dân ta một chút tự do, dân chủ nào”; nói sang Đông Dương để “khai hóa văn minh”, để “bảo hộ”, nhưng chúng lại thi hành những luật pháp dã man- những điều chỉ có trong xã hội thời xa xưa của loài người.

Về kinh tế, chúng vơ vét bóc lột nhân dân Đông Dương vô cùng tàn tệ. Đối với một quốc gia, vấn đề quan trọng nhất trọng kinh tế là việc nắm quyền in ấn, phát hành tiền tệ. Như thế thì làm gì còn bình đẳng, tự do. Chưa hết, chỉ trong năm năm, với thái độ hèn hạ: quỳ gối, mở cửa, đầu hàng, “mẫu quốc” Pháp còn 2 lần bán nước ta cho Nhật.

Những bằng chứng trên cứ hiện ra sống động, rõ ràng, vạch rõ thực chất cả một lịch sử “khai hóa”, “bảo hộ” của thực dân với dân tộc ta. Điều đó khẳng định rằng, thực dân Pháp không có một chút vị thế quyền lực nào đối với Việt Nam, vì, Việt Nam không còn là thuộc địa của Pháp nữa.

3. Lòng khoan dung, độ lượng – biểu hiện cao cả chủ nghĩa nhân văn Việt Nam.

Khoan dung, nhân đạo là truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam được hun đúc nên từ bao đời nay. Trong tuyên ngôn độc lập, nó càng chói ngời khi đưa ra đối chiếu với sự độc ác, tàn bạo của thực dân Pháp. Mà người đọc hiểu rằng ngay sau đó sẽ là những gì đối lập với sự dã man, tàn bạo ở trên.

Thực dân Pháp đối xử với đồng bào ta một cách tồi tệ mất tính người, nhưng đối với Pháp “đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo”. Truyền thống ấy đã ảnh hưởng và quy định đến cả đời sống chính trị, thể hiện trong cách ứng xử, sử lý các tình huống chính trị của người Việt Nam.

Hồ Chí Minh cũng nêu ra một sự thật là Việt Nam lấy lại nước này từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp. Và với chỉ một câu văn ngắn gọn, Người đã thật tài tình khi thâm tóm trong đó những chuyển biến chính trị lớn lao của đất nước trong một câu: “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị”. Khẳng định lại điều này, một lần nữa Hồ Chí Minh tạo thêm căn cứ chính đáng để đi đến tuyên bố độc lập cho dân tộc Việt Nam.

4. Tuyên bố nền độc lập của dân tộc Việt Nam:

Trên cơ sở trình bày và luận giải những căn cứ vững chắc cho nền độc lập chân chính của dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định một cách hùng hồn và dứt khoát trước quốc dân đồng bào và trước toàn Thế giới: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập” (tr.4).

Như vậy, về lý Việt Nam hoàn toàn có quyền độc lập và trên thực tế, người dân Việt Nam đang được hưởng những thành quả tốt đẹp của cách mạng mà họ phải khó khăn gian khổ lắm mới giành được. Và một điều đáng nói nữa là người Việt Nam hoàn toàn chủ động đón nhận nền độc lập ấy. Họ xứng đáng được tự do, độc lập vì họ đã phải trải qua bao đắng cay, cực khổ, bao gian nan, vất vả mới giành được. Vì vậy, họ càng biết quý, trân trọng và nâng niu thành quả vĩ đại này. Điều đó giải thích vì sao “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy” (tr.4).

III. Ý nghĩa của tác phẩm:

- *Tuyên ngôn độc lập* là bản khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ Cộng hoà.

- Tuyên ngôn độc lập là kết quả của tinh thần hi sinh anh dũng, đấu tranh kiên cường của dân tộc Việt Nam vì độc lập, tự do.

- *Tuyên ngôn độc lập* khẳng định: độc lập dân tộc là quyền thiêng liêng và bất khả xâm phạm của mọi dân tộc, trong đó có dân tộc Việt Nam.

Tuyên ngôn độc lập đánh dấu mốc lịch sử quan trọng, Việt Nam chính thức là thành viên của cộng đồng quốc tế, có đầy đủ tư cách pháp nhân để thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới. Tuyên ngôn độc lập vang vọng mãi trong lịch sử dân tộc Việt Nam, thể hiện rõ chân lý chính nghĩa, pháp lý danh thếp và đạo lý cao cả của dân tộc Việt Nam. Tư tưởng của tác phẩm đã khơi nguồn sáng tạo và soi sáng con đường cách mạng Việt Nam hướng lên tầm cao mới trong xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”.

CẢM ƠN CÁC BẠN ĐÃ LẮNG
NGHE!

ĐỜI SỐNG MỚI

GIẢNG VIÊN: TS. VŨ QUANG ANH

I. BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ KẾT CẤU CỦA TÁC PHẨM

1. Bối cảnh lịch sử ra đời của tác phẩm

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945 thắng lợi, Đảng, Nhà nước và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động phong trào “Xây dựng đời sống mới”. Ngày 3-4-1945, Ủy ban vận động đời sống mới Trung ương được thành lập. Một năm sau (20/3/1947), Chủ tịch Hồ Chí Minh viết tác phẩm “Đời sống mới” với bút danh là Tân Sinh để chỉ đạo và động viên phong trào. Tác phẩm “Đời sống mới” được viết vào tháng 3 năm 1947. Trong lúc này tình hình nước ta có những đặc điểm đáng chú ý:

-Việt Nam vừa được giải phóng khỏi ách đế quốc, thực dân, giành được độc lập dân tộc với rất nhiều khó khăn thử thách, phức tạp chồng chất.

-Cả nước phải thực hiện nhiệm vụ kháng chiến mới kháng chiến gắn liền với kiến quốc nhằm bảo vệ nền độc lập dân tộc vừa dành được và xây dựng nước Việt Nam mới.

-Hồ Chí đã soạn thảo chương trình xây dựng đất nước, nhất là trên lĩnh vực văn hóa tinh thần. Tháng 4-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh về xây dựng đời sống mới; tháng 12 năm 1946, Người đã ký sắc lệnh thành lập Ủy ban xây dựng kế hoạch kiến thiết đất nước.

Để có tài liệu tuyên truyền, vận động thực hiện đời sống mới, Hồ Chí Minh đã viết tác phẩm này.

2. Kết cấu của tác phẩm

-Tác phẩm tập trung giải quyết vấn đề lý luận và nhất là thực tiễn về nhiệm vụ và bước đường xây dựng đời sống mới ở Việt Nam dưới chế độ dân chủ cộng hòa.

-Tác phẩm gồm lời tựa, 19 mục, đánh số thứ tự từ I-XIX, trình bày dưới dạng hỏi –đáp. Mỗi danh mục giải quyết một vấn đề. Có thể chia tác phẩm thành ba phần:

+Từ mục I đến mục V: Những vấn đề chung có liên quan đến đời sống mới.

+Từ mục VI đến mục XV: Đối tượng, nội dung và phạm vi xây dựng đời sống mới.

+Từ mục XVI đến mục XIX: phương pháp xây dựng đời sống mới.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA TÁC PHẨM

1. Những vấn đề chung liên quan đến đời sống mới

-Sự cần thiết phải xây dựng đời sống mới: xây dựng đời sống mới là những nhu cầu khách quan của sự phát triển đất nước sau khi giành được độc lập dân tộc, là trách nhiệm của tất cả mọi người, mọi ngành, mọi giới, hợp với xu thế tiến hóa của thời đại. “Trong lúc kháng chiến cứu quốc đồng thời phải kiến quốc, thực hành đời sống mới là công việc cần kíp cho kháng chiến và kiến quốc” (tr.111). Là nhiệm vụ của tất cả mọi người hợp xu thế thời đại.

-Mục đích xây dựng đời sống mới: Làm cho tinh thần vật chất của nhân dân được đầy đủ hơn, đời sống tinh thần được vui mạnh hơn.

-Thức chất nội dung xây dựng đời sống mới: Xây dựng tất cả các mặt của đời sống xã hội, trước hết là đời sống tinh thần, tập trung vào thực hành đạo đức Cần, Kiệm, Liêm, Chính.

-Nguyên tắc xây dựng đời sống mới: Hủy bỏ sửa đổi những tập tục, tập quán lỗi thời lạc hậu; kế thừa những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc, xác lập những giá trị mới.

2. Đối tượng và phương pháp xây dựng đời sống mới

-Xây dựng đời sống mới của một người:

+Vai trò của con người: gốc của làng nước. Thực hành đời sống mới là công việc của mọi người, bắt đầu từ cội nguồn là mỗi người, gia đình, làng xã. Người vết: “Do nhiều người nhóm lại mà thành Làng, do nhiều Làng nhóm lại thành Nước. Nếu người này cũng xấu người kia cũng xấu, thì thành Làng xấu, Nước hèn; nếu mỗi người cá nhân tốt, làng tốt, Nước mạnh. Người là gốc của Làng, Nước, nếu mỗi người cố gắng làm đúng đời sống mới thì dân tộc nhất định phú cường” (tr.116-117).

+Nội dung đời sống mới của từng người: Tinh thần, cách ăn, cách mặc, cách ở, cách học tập, cách làm việc: “Về tinh thần,... Việc gì có lợi cho nước, phải ra sức làm. Việc gì hại đến nước, phải hết sức tránh; hai là sẵn lòng công ích, bất kỳ việc gì nhỏ có ích cũng phải hăng hái làm...; Minh hơn người thì chớ kiêu căng... Cách ăn mặc phải sạch sẽ, đơn giản, chất phác, chớ lướt thướt xa xỉ lèo loẹt. cách làm việc phải siêng năng có ngăn nắp; cách ứng xử, đối với đồng bào thì nên thành thực than ái, sẵn lòng giúp đỡ, biết ham học” (tr.117).

-Xây dựng đời sống mới của một nhà:

+Quan hệ giữa các thành viên trong gia đình; quan hệ giữa các gia đình với nhau; làm cho gia đình trở thành kiểu mẫu.

+Trong gia đình, thực hiện đời sống mới về quan hệ thì trên thuận, dưới hòa, bình đẳng, tin cậy, tôn trọng lẫn nhau, không thiên tư, thiên ái; về vật chất từ an mặc đến việc làm đều tiêu pha có kế hoạch ngăn nắp; cưới hỏi giỗ tết nên đơn giản tiết kiệm; quan tâm đến con cái; việc tu dưỡng học hành, kỷ cương nề nếp; giải phóng phụ nữ và thực hiện nam nữ bình đẳng.

“Mỗi người làm theo đúng theo đời sống mới thì đời sống mới trong một nhà cũng dễ dàng thôi. Cũng như viên đá tron tru vững trắc, chỉ cần một ít vôi đặc thành bức tượng tốt... Đó cũng không có gì là khó, không cần tốn tiền, tốn công. Có trí là làm được. Mà một nhà như thế nhất định phát đạt” (tr.118).

-Xây dựng đời sống mới của một đảng:

+ Xác định vai trò của làng; đời sống mới của làng bao gồm: công việc làm ăn, văn hóa, phong tục vệ sinh, phục vụ kháng chiến; tổ chức đời sống mới của làng bằng cách thi đua.

+ Đối với làng xã, việc thực hiện đời sống mới, theo người, cần phải làm việc sau: Về văn hóa phải làm cho cả làng để biết chữ, biết đạo đức và trách nhiệm của công dân. Về phong tục phải cấm hẳn say sưa cờ bạc, hút sách, trộm cắp, đi điếm. Tìm cách làm cho không đánh chửi nhau, kiện cáo nhau. Làm cho làng mình trở thành một làng “*thuần phong mỹ tục*”.

-Xây dựng đời sống mới trong trường học:

+Xác định vị trí, vai trò của thể hệ trẻ; nội dung học và dạy trong nhà trường phải toàn diện, chú trọng đạo đức cách mạng; thực hiện nguyên tắc giáo dục học đi đôi với hành, lao động gắn liền với sản xuất chiến đấu.

+ Người yêu cầu: “Trong chương trình học, phải trọng về môn tinh thần và đạo đức. Phải tẩy sạch óc kiêu ngạo, tự phụ mà giáo dục thực dân còn để lại” (tr.120).

-Xây dựng đời sống mới trong bộ đội:

Hồ Chí Minh đề cập tới 7 vấn đề cần phải xây dựng, bao gồm các mặt:

+Một là, phải kỷ luật cực kỳ nghiêm;

+Hai là, siêng tập luyện...;

+Ba là, mỗi người binh sĩ phải biết chính trị ít nhiều... ;

+Bốn là, bộ đội cũng phải tăng gia sản xuất... ;

+Năm là, tiết kiệm. Tiết kiệm thuốc đạn, bắn cho đúng, không bắn phí đạn... ;

+Sáu là, vệ sinh. Bộ đội đông người ăn chung, nếu có bệnh tật càng dễ lây cho nhau. Cho nên càng phải rất chú ý đến vệ sinh.

+Bảy là, ăn ở cho được dân tin dân phục dân yêu. Hãy giúp đỡ dân, giữ đúng kỷ luật thì được như thế...

-Xây dựng đời sống mới trong công sở :

+Những người ở trong các công sở từ làng (xã) cho đến chính phủ Trung ương để dễ tìm dịp phát tài hoặc khoét đục nhân dân. Vì vậy, những người trong công sở phải giữ lấy liêm làm đầu : “Từ chủ tịch chính phủ cho đến người chạy giấy, người quét dọn trong một cơ quan nhỏ, đều là những người ăn lương của dân, làm việc cho dân, phải được dân tin cậy. Vì vậy, những người làm trong các công sở càng phải làm trong các công sở càng phải làm gương cho đời sống mới cho dân bắt trước “ (tr.122).

+ Xây dựng đời sống mới trong công sở phải thực hành Cần, Kiệm, Liêm. “Những người trong các công sở đều có nhiều hoặc ít quyền hành. Nếu không giữ đúng Cần, Kiệm, Liêm, Chính thì sẽ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân” (tr.122).

- *Xây dựng đời sống mới trong các nhà máy xí nghiệp:* Xác lập quan hệ giữa chủ và thợ chặt chẽ hợp tác, cùng có lợi, yêu thương nhau.

3. Phương pháp xây dựng đời sống mới

- Những thuận lợi và khó khăn trong xây dựng đời sống mới ở nước ta: về điều kiện vật chất, về nhận thức, tâm lý của người dân...

-Các phương pháp chủ yếu cần thực hiện trong quá trình xây dựng đời sống mới: Giải thích, vận động, tuyên truyền; thuyết phục, giáo dục kết hợp với cưỡng chế; nêu gương; phát huy sức mạnh của toàn dân, của cả hệ thống chính trị (nhất là vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước) trong xây dựng đời sống mới. “Trước hết phải tuyên truyền giải thích, làm gương... Nói thì phải nói một cách đơn giản, thiết thực với hoàn cảnh mỗi người; nói cho người ta nghe rồi làm ngay cho được ngay. Việc dễ, việc nhỏ làm được rồi, se nói đến việc to, việc khó... Tốt nhất là miệng nói, tay làm, làm gương cho người khác bắt trước” (tr.125-126).

-Một phương pháp có tính nguyên tắc trong xây dựng đời sống mới là phải tiếp thu, kế thừa những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp. Người viết: “Đời sống mới không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới. Cái gì cũ mà xấu thì bỏ... cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi cho hợp lý... Cái gì cũ mà tốt thì phải phát triển thêm... Cái gì mới mà hay thì phải làm” (tr.112-113).

III. GIÁ TRỊ CỦA TÁC PHẨM

1. Giá trị lý luận

- Trong lời tựa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định ý nghĩa của tác phẩm là giúp nhân dân ta thực hành đời sống mới để cứu quốc và kiến quốc: “Trong lúc kháng chiến cứu quốc chúng ta đồng thời phải kiến quốc. Thực hành đời sống mới là một điều cần kíp cho công cuộc cứu quốc và kiến quốc. Anh tân sinh viên viết quyển “*Đời sống mới*” một cách vắn tắt, rõ ràng, thiết thực và dễ hiểu. Đó là một quyển sách nhỏ, chỉ rõ bước đường đời sống mới. Như thế, chúng ta nhất định sẽ tiến bộ hơn” (tr.111).

- Cách trình bày vấn đề một cách rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, sinh động thiết thực, phù hợp với các loại đối tượng khác nhau.

- Khái quát một số vấn đề lý luận thành các nguyên lý có ý nghĩa phổ biến chung. Tác phẩm lịch sử này được Hồ chí Minh viết dưới dạng câu hỏi và trả lời rõ ràng, dễ hiểu và dễ nhớ.

2. Giá trị thực tiễn

-Định hướng khoa học cho việc xây dựng đời sống mới ở nước ta trước đây và hiện nay.

- Sau cách mạng tháng Tám thành công, nhằm giáo dục cho cán bộ, nhân dân nếp sống mới, yêu nước, cần kiệm liêm chính, đồng thời bài trừ các hủ tục, tập quán lạc hậu cngx như các thói hư tật xấu, chủ tịch Hồ Chí Minh viết tác phẩm “*Đời sống mới*” với bút danh là Tân Sinh để chỉ đạo và động viên phong trào.

- Ngày nay, tác phẩm “*Đời sống mới*” của người vẫn còn nguyên giá trị đối với sự nghiệp CNH-HĐH đất nước. Lời dạy của bác 66 năm qua đã tạo nên động lực thúc đẩy kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công, và vẫn còn nguyên giá trị đối với việc xây dựng nếp sống văn minh ở chôn công đường và cuộc vận động đời sống mới văn hóa ở địa bàn dân cư từ thành thị đến nông thôn, từ đồng bằng đến miền núi trong phạm vi cả nước hiện nay và sau này.

- Tác phẩm “*Đời sống mới*” góp phần vận dụng hiệu quả cho công cuộc xây dựng đời văn hóa ở nước ta trong công cuộc đổi mới, đặc biệt là văn hóa đạo đức. Theo Người, thực hành đời sống mới là Cần, Kiệm, Liêm, Chính, đó cũng chính là xây dựng đạo đức mới, đạo đức cách mạng.

SỬA ĐỔI LỐI LÀM VIỆC

1. BỐI CẢNH RA ĐỜI, CHỦ ĐỀ TƯ TƯỞNG VÀ KẾT CẤU CỦA TÁC PHẨM

1. Bối cảnh lịch sử ra đời của tác phẩm

Tác phẩm «sửa đổi lối làm việc» được Chủ tịch Hồ Chí Minh viết và hoàn thành vào tháng 10 năm 1947. lúc này tình hình cách mạng của đất nước và công tác xây dựng Đảng có nhiều đặc điểm và đặt ra nhiều yêu cầu mới.

- Về tình hình cách mạng của đất nước. Năm 1947, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta nhằm bảo vệ nền độc lập vừa mới giành được, bảo vệ nhà nước non trẻ.
- Về phía Đảng ta. Sau khi cách mạng tháng Tám thành công năm 1945, Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền. Đảng ta nhận mình vào trọng trách tổ chức, lãnh đạo toàn dân vượt qua khó khăn, kháng chiến chống quân xâm lược. Đảng ta, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới công tác tư tưởng và tổ chức xây dựng Đảng.

Thực hiện đường lối của Đảng đặt ra những yêu cầu và thách thức, yêu cầu mới đối với mọi cán bộ Đảng viên, nhất là phát huy vai trò tiên phong gương mẫu, nêu cao đạo đức cách mạng...xây dựng các tiềm lực đủ sức tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện.

Trong điều kiện cả nước có chiến tranh, Đảng chủ trương xây dựng các «Chi bộ tự động công tác» nhằm phát huy chủ động sáng tạo trong lãnh đạo các cấp bộ Đảng. Những thiếu sót, nhược điểm trong công tác tổ chức và tư tưởng của Đảng.

Để có tài liệu cho cán bộ, đảng viên học tập, rèn luyện, tu dưỡng trên các mặt tư tưởng, phương pháp làm việc, Chủ tịch Hồ Chí Minh với bút danh X.Y.Z đã viết tác phẩm «Sửa đổi lối làm việc» vào tháng 10-1947 và được nhà xuất bản Sự thật xuất bản và phát hành đầu năm 1948.

2. Chủ đề tư tưởng của tác phẩm

Tác phẩm «sửa đổi lối làm việc» đề cập đến các vấn đề quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng về tư tưởng, tổ chức, phương thức, phương pháp lãnh đạo và công tác quần chúng của Đảng trong điều kiện đất nước thực hiện nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc.

3. Kết cấu của tác phẩm

- Về hình thức, tác phẩm «sửa đổi lối làm việc» được chia thành 6 mục lớn, đánh số thứ tự từ I đến VI.

- I. Phê bình và sửa chữa.
- II. Mấy điều kinh nghiệm
- III. Tư cách và đạo đức cách mạng
- IV. Vấn đề cán bộ
- V. Cách lãnh đạo
- VI. Chống thói ba hoa

Trong mỗi mục lớn có một mục nhỏ được sắp xếp theo trình tự logic chặt chẽ, chính thể của một tác phẩm lý luận.

Về nội dung, tác phẩm tập trung vào ba vấn đề lớn, quan trọng nhất: đạo đức cách mạng; cán bộ và công tác cán bộ của Đảng; phương thức, phương pháp lãnh đạo của Đảng.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TÁC PHẨM

1. Sửa đổi lối làm việc của Đảng – yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng

Trong tác phẩm «sửa đổi lối làm việc», Hồ Chí Minh đặt vấn đề nhất thiết phải tiến hành xây dựng, chỉnh đốn Đảng về tư tưởng, tổ chức, phương pháp công tác, xác định nhiệm vụ thường xuyên lâu dài nhất là khi đảng đứng ra đảm nhận nhiệm vụ lớn lao đối với sự phát triển của dân tộc.

«Sửa đổi lối làm việc» giúp cho Đảng rút ra nhiều bài học bổ ích, lấy mạng công tác, hiệu quả công việc, mặt khác giúp cho mỗi cán bộ, đảng viên khắc phục những sai lầm khuyết điểm.

Bệnh chủ quan, bệnh ích kỷ, bệnh hẹp hòi, cá nhân, bản vị, cục bộ,... Mỗi chứng bệnh là một kẻ địch. Mỗi kẻ địch bên trong là bạn đồng minh của kẻ địch bên ngoài. Vì vậy, ta phải ra sức ngăn ngừa, đề phòng nhưng kẻ địch đó, phải kiên quyết chữa trị bằng những căn bệnh đó. Điều này cho thấy sửa đổi lối làm việc là nhiệm vụ chung của Đảng của mỗi cán bộ, đảng viên.

2. Vai trò của lý luận và tổ chức thực tiễn

Nói đến lý luận và tổng kết thực tiễn là nói đến các yếu tố làm nên trí tuệ của Đảng. Lý luận có vai trò rất to lớn, nó như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong việc thực tế. Người nói: «có kinh nghiệm mà không có lý luận, cũng như mắt nhắm mắt mở mà đi». Lý luận ko áp dụng vào thực tế là lý luận suông.

Đánh giá cao vai trò của lý luận và thực hành, Hồ Chí Minh đi đến kết luận: Mỗi cán bộ, đảng viên phải học lý luận, phải đem lý luận áp dụng vào công việc thực tế; cố gắng học, học phải đi đôi với hành; phải chữa bệnh kém lý luận và lý luận xuông. Phê bình và tổng kết kinh nghiệm công tác là quy luật tiến bộ trong sự nghiệp cách mạng.

3. Vấn đề bản chất và tư cách của Đảng cách mạng

Theo Hồ Chí Minh, Bản chất của Đảng thể hiện ở mục tiêu, lý tưởng và lợi ích mà nó đại diện. Đối với Đảng ta, bản chất đó được xác định rất rõ: Ngoài lợi ích của dân tộc của tổ quốc, thì Đảng không có lợi ích gì khác. Cho nên Đảng phải sức tổ chức nhân dân, lãnh đạo nhân dân để nâng cao sinh hoạt, văn hóa chính trị của nhân dân. Vì toàn dân được giải phóng thì tức là đảng được giải phóng.

«Sửa đổi lỗi làm việc» đã đưa ra 12 điều về tư cách của một Đảng chân chính cách mạng. Đảng phải liên hệ mật thiết với quần chúng giữ gìn kỷ luật, nghiêm từ trên xuống dưới, thường xuyên thực hiện phê bình và tự phê bình. Để kết luận người viết:

Muốn Đảng được vững bền

Mười hai điều đó chớ quên điều nào

4. Vấn đề đạo đức cách mạng

Trong «*sửa đổi lối làm việc*», Hồ Chí Minh đề cập đến đạo đức cách mạng trên nhiều khía cạnh, thể hiện thống nhất quan điểm tổng quát, toàn diện của người.

Trước hết Hồ Chí Minh xác định rõ vị trí, vai trò của đạo đức cách mạng đối với Đảng nói chung và với từng cán bộ, đảng viên nói riêng. Sự nghiệp cách mạng vẻ vang, cao cả, to tát, khó khăn đòi hỏi người cán bộ cách mạng phải có cách phẩm chất tương ứng về đạo đức.

Về nội dung đạo đức cách mạng bao gồm năm tính tốt: Nhân, nghĩa, chí, dũng, liêm. Những đức tính này đậm đà bản sắc dân tộc, kế thừa đạo đức nho giáo nhưng được thêm bớt thay đổi vị trí chuẩn mực.

5. Vấn đề cán bộ và công tác cán bộ của Đảng

Trong tác phẩm «*sửa đổi lối làm việc*», Hồ Chí Minh đã nêu ra một cách hệ thống các quan điểm về cán bộ và công tác cán bộ.

- Cán bộ là cầu nối giữa Đảng, chính phủ và dân. Trong tư duy Hồ Chí Minh, cán bộ giữ một vai trò đặc biệt quan trọng.

- Phẩm chất và năng lực của người cán bộ quyết định sự thành công hay thất bại của sự nghiệp cách mạng, vì thế công tác cán bộ là gốc của Đảng; là một vấn đề rất trọng yếu và cần kíp.

Công tác cán bộ có nhiều khâu liên hoàn, được Hồ Chí Minh chỉ ra một cách cụ thể đó là: Huấn luyện cán bộ, lựa chọn cán bộ, bồi dưỡng cán bộ, thực hiện chính sách đối ngoại với cán bộ.

6. Phương thức lãnh đạo của Đảng

Trong «sửa đổi lối làm việc», Hồ Chí Minh sử dụng thuật ngữ «cách lãnh đạo»; từ đó đồng nghĩa với «phương thức, phương pháp» lãnh đạo của ta hiện nay. Người cho rằng muốn giữ vững vai trò lãnh đạo của đảng thì cần tập hợp quần chúng, Đảng lãnh đạo đúng thích hợp.

Hồ Chí Minh lãnh đạo đúng nghĩa là:

- Giải quyết mọi vấn đề cho đúng.
- Phải tổ chức thi hành cho đúng.
- Phải tổ chức kiểm soát mà muốn tổ chức kiểm soát thì phải có quần chúng mới được.

Hồ Chí Minh xác định rõ 5 nguyên tắc trong lãnh đạo của Đảng, về đại thể việc gì cũng phải học hỏi, bàn bạc với quần chúng, tin tưởng quần chúng, không theo đuôi quần chúng, việc gì cũng phải từ 'dưới nhoi lên'.

7. Phương pháp tuyên truyền vận động quần chúng

Hồ chí Minh cho rằng, lực lượng quần chúng, của dân chúng nhiều vô cùng. Nếu dân chúng đồng lòng thì việc gì cũng làm được, dân chúng không ủng hộ thì việc gì cũng không nên.

Muốn tập hợp, phát huy sức mạnh quần chúng, vấn đề rất quan trọng là phải có cách tuyên truyền, vận động hợp lý khoa học.

Phương pháp tuyên truyền, vận động quần chúng cần thực hiện theo các yêu cầu: Học cách nói quần chúng, dùng lời lẽ thi dụ thiết thực; dễ hiểu khi nói, khi viết; chưa biết chớ nói chớ viết; cần sắp đặt cẩn thận kiểm tra sau khi viết...

III. GIÁ TRỊ CỦA TÁC PHẨM

1. Giá trị lý luận

«Sửa đổi lối làm việc», có ý nghĩa lý luận và sâu sắc. Nó thể hiện nội dung cơ bản của tư tưởng đạo đức, phương pháp phong cách Hồ Chí Minh.

- Tác phẩm trình bày một cách hệ thống các mặt cơ bản hợp thành nội dung công tác xây dựng chính đôn Đảng trong điều kiện Đảng trở thành Đảng cầm quyền.

- Cắt nghĩa một cách khoa học mối quan hệ giữa các khâu của công tác xây dựng Đảng: Cán bộ, đảng viên cần tu dưỡng tư tưởng đạo đức và năng lực làm việc để trở thành cán bộ tốt.

Các quan điểm lý luận của tác phẩm có tác dụng chỉ đạo công tác xây dựng Đảng trong mọi giai đoạn phát triển đất nước.

2. Giá trị thực tiễn

Giá trị thực tiễn của tác phẩm được thể hiện ở nhiều mặt.

- Giá trị tác phẩm là một tài liệu học tập thiết thực, bổ ích, có đóng góp to lớn trong việc giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên trở thành những người cách mạng trung thành với sự nghiệp của Đảng, nhân dân.

- Tác động tích cực tới đông đảo quần chúng nhân dân, mang lại sự hứng khởi niềm tin tưởng cho sự nghiệp cách mạng mà Đảng ta lãnh đạo là mục tiêu duy nhất.

- Ra đời 68 năm nay tác phẩm vẫn là một trong những văn kiện quan trọng trong việc xây dựng Đảng trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ II CỦA ĐẢNG

GIẢNG VIÊN: TS. VŨ QUANG ÁNH

KHOA: TT HỒ CHÍ MINH

I. BỐI CẢNH RA ĐỜI VÀ KẾT CẤU CỦA TÁC PHẨM

1. Bối cảnh ra đời

1.1 Thế giới

- Từ năm 1950 hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ngày càng mở rộng và vững mạnh

- Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc tiếp tục phát triển, trở thành cao trào quy mô và chất lượng mới.

- Phong trào đấu tranh của công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản và phong trào hòa bình thế giới diễn ra sôi nổi và mạnh mẽ.

- Mỹ ngày càng can thiệp sâu hơn vào chiến tranh Việt Nam.

1.2 Trong nước

- Cách mạng Việt Nam giành được nhiều thành tựu quan trọng trong xây dựng chế độ dân chủ nhân dân và kháng chiến kiến quốc.

- Tháng 1 năm 1950, Trung Quốc đặt quan hệ ngoại giao với phía ta, sau đó Liên Xô và các nước XHCN và dân chủ nhân dân.

- Hơn 5 năm tuyên bố giải tán, điều kiện Đảng ra hoạt động công khai đã chín ngòi.

- Pháp mỹ âm mưu đẩy mạnh cuộc chiến tranh xâm lược toàn diện, đòi hỏi tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

Để tổng kết những thành tựu đã đạt được, dịp thời đề ra đường lối đáp ứng yêu cầu mới, Đảng cộng sản Đông Dương quyết định triệu tập Đại Hội đại biểu tiaoanf quốc lần II. Đại hội diễn ra từ ngày 11 đến ngày 19 tháng 2 năm 1951 tại Chiêm Hóa, Tuyên Quang. Hồ Chí Minh đã viết “Báo cáo chính trị” và trình bày trước đại hội.

2. Kết cấu của tác phẩm

Tác phẩm gồm 10 nội dung:

- Tình hình thế giới trong 50 năm qua.
- Đảng ta ra đời.
- Thời kỳ 1931-1935
- Thời kỳ 1936-1939
- Thời kỳ 1939-1945
- Từ cách mạng tháng Tám đến nay.
- Những khó khăn của Đảng và chính phủ.
- Cuộc trường kỳ kháng chiến.
- Sửa chữa những khuyết điểm sai lầm.
- Tình hình mới và nhiệm vụ mới.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TÁC PHẨM

1. Tình hình thế giới và lịch sử 21 năm lãnh đạo, xây dựng và hoạt động của Đảng ta.

- Tình hình thế giới.

Hồ Chí Minh khái quát tình hình thế giới trong 50 năm đầu thế kỷ XX trên tất cả các lĩnh vực: Kinh tế, chính trị, khoa học kỹ thuật.

Người đánh giá: “Năm mươi năm qua với sự biến đổi mau chóng hơn và quan trọng hơn nhiều thế kỷ trước cộng lại”.

- Lịch sử 21 năm lãnh đạo, xây dựng và hoạt động của Đảng ta.

+ *Sự ra đời và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam.*

- Sự ra đời của Đảng: Hồ Chí Minh phân tích bối cảnh ra đời của Đảng. (Tr.19-20)
- Qua trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt nam được chia thành nhiều thời kỳ nhỏ.

Trong mỗi thời kỳ các mạng, Hồ Chí Minh lại tổng kết lại sự lãnh đạo chỉ đạo của Đảng đối với cách Mạng.

+ *Những bài học Đảng rút ra trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam*

• Bài học thành công:

- Chính sách đúng đắn, sáng tạo kịp thời của Đảng là nhân tố quyết định thành công của cách mạng tháng Tám và bước đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.

- Sự đoàn kết và dũng cảm quật cường của nhân dân ta.

- Ta thắng lợi còn nhờ và sự đoàn kết chặt chẽ của toàn dân, nhờ sự dũng cảm của cá tiên liệt, sự giúp đỡ quốc tế.

- Đó là vì ta có chính nghĩa, vì ta sùng cảm, vì nhân dân Pháp và phe dân chủ thế giới ủng hộ.

• Bài học cần rút ra

- Việc học tập chủ nghĩa, dùi mài tư tưởng, nâng cao lý luận chính đôn tổ chức – là việc cần kíp của Đảng.

Đảng phải giáo dục chủ nghĩa cho phổ biến, để nâng cao tư tưởng chính trị Đảng Viên.

2. Nhiệm vụ mới

2.1. Tình hình mới

- Phe dân chủ do Liên Xô lãnh đạo là một lực lượng rất lớn mạnh và ngày càng mạnh thêm.

- Phe phản dân chủ do Mỹ cầm đầu đang gặp phải sức mạnh đấu tranh của Liên Xô.

Hồ Chí Minh khẳng định, so sánh lực lượng hai phe, phe đế quốc phản động nhất định thua và phe dân chủ nhất định thắng.

- Việt Nam là một bộ phận của phe dân của thế giới, là đồn lũy để chống đế quốc, chống phe phản dân chủ.

2.2. Nhiệm vụ mới.

-Đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn

- Tổ chức Đảng lao động Việt Nam

2.2.1. Báo cáo chính trị xác định những nhiệm vụ cần kíp phải thực hiện nhằm đưa kháng chiến đến thắng lợi.

- Xây dựng và phát triển quân đội.

- Phát triển tinh thần yêu nước, tổ chức cùng cố mặt trận.

- Đoàn kết quốc tế đặc biệt là đoàn kết Việt -Miên -Lào.

- Đẩy mạnh thi đua ái quốc và các chính sách ruộng đất và minh tề tì chính phục vụ kháng chiến.

2.2.2. Về tổ chức Đảng và những quan điểm của Đảng cầm quyền

a. *Quyết định Đảng ra hoạt động công khai và lấy tên là Đảng lao động Việt Nam.*

Điều kiện tình hình quốc tế và trong nước cho phép Đảng công bố Cương lĩnh, Điều lệ, những vấn đề về tổ chức và hoạt động của Đảng (tr.40-41).

b. *Đảng theo những nguyên tắc của Đảng Macxit lenin nít*

- Về mục tiêu, lý tưởng của Đảng: đưa kháng chiến đến thành công, xây dựng chế độ dân chủ mới và tiến lên CNXH.

- Về vai trò của Đảng: “đoàn kết và lãnh đạo toàn dân kháng chiến cho đến thắng lợi hoàn toàn, tránh lại thống nhất và độc lập hoàn toàn, lãnh đạo toàn dân thực hiện dân chủ mới, xây dựng kinh tế để tiến chủ nghĩa xã hội” (tr.41).

- về bản chất của Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của Dân tộc Việt Nam.

2.2.2. về tổ chức Đảng và những quan điểm về Đảng cầm quyền

- Nội dung công tác xây dựng Đảng:

+Về thành phần: công, nông, trí thức hăng hái, giác ngộ.

+ Về lý luận: Đảng theo chủ nghĩa Mác lenin

+ Về tổ chức: Đảng theo theo chế độ tập trung

+Về kỷ luật: Đảng phải có kỷ luật sắt, đồng thời là kỷ luật tự giác

+Về luật phát triển: Đảng dùng cách phê bình và tự phê bình để giáo dục Đảng viên.

c. *Đảng mang đặc thù Việt Nam.*

- “Đảng là người lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, trung thành của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, của nhân dân Việt Nam để đoàn kết và lãnh đạo dân tộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, thực hiện dân chủ mới” (tr.41).

III. GIÁ TRỊ CỦA TÁC PHẨM

1. Giá trị lý luận

- Báo cáo là một văn kiện lý luận quan trọng của Đảng ta. Đúc kết một cách ngắn gọn, súc tích quá trình lãnh đạo hoạt động và những bài học kinh nghiệm của Đảng.

- Báo cáo làm sáng tỏ những sáng tạo về lý luận cách mạng và phương hướng cách mạng của Đảng Ta.

- Báo cáo đã đưa ra luận điểm mới của Hồ Chí Minh về bản chất của Đảng. Đây là cống hiến lớn của Hồ Chí Minh về lý luận và thực tiễn cách mạng.

- Báo cáo đã thể hiện rõ chủ nghĩa yêu nước của Hồ Chí Minh.

2. Giá trị thực tiễn

- Báo cáo đã đề ra đường lối kháng chiến trường kỳ trong giai đoạn mới, thể hiện tinh thần chủ động, độc lập sáng tạo của Đảng ta thúc đẩy cuộc kháng chiến chống Pháp đi tới thắng lợi.

- Báo cáo đã góp phần củng cố, tăng niềm tin tưởng và quyết tâm của nhân dân ta vào thắng lợi Việt Nam.

- Đối với hiện nay: Nhiều vấn đề mà Báo cáo đề cập tới vẫn mang tính hiện thực sâu sắc.

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM
THƯỜNG THỨC CHÍNH TRỊ

Giảng viên: TS. Vũ Quang Ánh
Học viện Báo chí và Tuyên truyền
ĐT: 0904.619.685
Gmail: vuquanganh2011@gmail.com

TÁC PHẨM - "THƯỜNG THỨC CHÍNH TRỊ"

Tập 8, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, HN, 2011 (tr245 – 296)
Mở đầu: Thường thức chính trị , tác phẩm tập hợp 50 bài viết của Hồ Chí Minh, ký bút danh Đ.X..., đăng trong chuyên mục Thường thức chính trị - Báo Cứu quốc từ số 2253, ngày 16/1/1953 đến số 2430, ngày 23/9/1953. Năm 1954 các bài viết này được Nxb Sự thật, nay là Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật tập hợp lại và xuất bản thành cuốn sách Thường thức chính trị.

Thường thức chính trị cung cấp những kiến thức cơ bản, cần thiết về chủ nghĩa Mác-Lênin và đường lối, chính sách của Đảng, nhằm xây dựng lý tưởng, niềm tin để cán bộ, nhân dân vượt qua gian khổ, hy sinh, đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi hoàn toàn. Tác phẩm lý giải những vấn đề cơ bản về giai cấp và các chế độ xã hội; về đánh giá vai trò, vị trí của các giai cấp trong cách mạng Việt Nam; về chế độ nhà nước dân chủ cộng hòa và chuyên chính dân chủ nhân dân; về Đảng Lao động Việt Nam; về các thành phần kinh tế trong chế độ dân chủ nhân dân ở nước ta... Tinh thần cơ bản các bài viết đó là: Quyết tâm và tin tưởng sự nghiệp cách mạng Việt Nam sẽ giành được thắng lợi cuối cùng, là cái chìa khóa để hiểu và để giải quyết các vấn đề.

1. Vị trí môn học: Đây là nội dung thuộc phần kiến thức giới thiệu tác phẩm

2. Mục tiêu và yêu cầu của môn học

-Mục tiêu:

+Về kiến thức: Trang bị cho người học những nội dung cơ bản của tác phẩm Thường thức chính trị.

+Về phương pháp kỹ năng: Trang bị phương pháp, kỹ năng nghiên cứu tác phẩm.

+Về ý thức tư tưởng: Rèn luyện ý thức, tư tưởng nghiên cứu tác phẩm nghiêm túc.

-Yêu cầu:

+Đối với giảng viên: Thực hiện đúng quy chế giảng viên.

+Đối với học viên: Thực hiện đúng quy chế học viên

3. NỘI DUNG TÁC PHẨM

Phần I: Bối cảnh ra đời của tác phẩm

Phần II: Nội dung tác phẩm

Phần III: Ý nghĩa tác phẩm

PHẦN I. BỐI CẢNH RA ĐỜI CỦA TÁC PHẨM

- Thời điểm cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta đang trên thế tiến công và phản công mạnh mẽ nhằm đánh thắng những nỗ lực chiến tranh cao nhất của đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ được thể hiện trong kế hoạch Nava. Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh tập trung lãnh đạo mọi mặt, chuẩn bị cho cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 - 1954: Liên quan tới những vấn đề: Giai cấp, dân tộc; đế quốc - phong kiến; địa chủ, tư sản; bản chất giai cấp, thành phần xuất thân; tính chất xã hội; lực lượng, động lực cách mạng....

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định những chủ trương và chỉ đạo thực hiện cuộc vận động triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất. Các nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 (1/1953), lần thứ 5 (12/1953), Cương lĩnh ruộng đất của Đảng Lao động Việt Nam (11/1953) và nhiều văn kiện khác của Trung ương Đảng trình bày rõ đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn, phương châm, kế hoạch lãnh đạo thực hiện cuộc vận động này.

- Công tác xây dựng Đảng được Trung ương xác định là tiến hành chỉnh huấn tại các cơ quan Trung ương, chỉnh đốn chi bộ vùng nông thôn trong phát động quần chúng triệt để giảm tô và chi bộ vùng sau lưng địch. Hồ Chí Minh có 9 bài về chỉnh huấn, chỉnh Đảng (3 chỉnh Đảng, 6 chỉnh huấn).

- Là năm bàn nhiều về dân vận (nông vận), chống bệnh quan liêu.

-Tác phẩm gồm những bài-viết của Hồ Chí Minh đăng trên báo Cứu quốc. Bài đầu: “Giai cấp là gì” đăng báo Cứu quốc số 2253 (16/1/1953), bài: “Chế độ phong kiến là gì, số 2255, “Chủ nghĩa tư bản là gì”, số 2258; “Ôn cũ biết mới”, số 2354. Bài kết luận báo Cứu quốc số 2430 (23/9/1953).

II. NỘI DUNG CHÍNH CỦA TÁC PHẨM

Thường thức chính trị nhằm giáo dục và nâng cao trình độ lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin,

Phần 1: (3 vấn đề cơ bản)

1.1. Vấn đề giai cấp

Giai cấp là gì? Theo Lênin: “Tập đoàn người đông đảo, khác nhau về địa vị họ trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định trong lịch sử, về những quan hệ của họ đối với tư liệu sản xuất, về vai trò của họ trong tổ chức lao động xã hội, và do đó, về những phương thức hưởng thụ của cải sản xuất, và về số lượng của cải sản xuất mà họ chi phối”.

“Giai cấp là những tập đoàn người mà tập đoàn này có thể chiếm đoạt lao động của tập đoàn khác, địa vị khác nhau mà họ chiếm giữ trong một chế độ kinh tế-xã hội nhất định”.

Từ điển tiếng Việt Viện Ngôn ngữ học, Nxb – Đà Nẵng 2005, tr386 định nghĩa: Giai cấp “Là tập đoàn người đông đảo có địa vị như nhau trong hệ thống sản xuất, trong quan hệ đối với TLSX, trong tổ chức lao động xã hội, trong sự hưởng thụ và do đó có quyền lợi chung, phân biệt với những tập đoàn người khác”.

Hồ Chí Minh không định nghĩa như vậy, mà viết dễ hiểu hơn: “Những người chiếm hữu TLSX không làm mà hưởng là giai cấp bóc lột. Những người lao động mà không được hưởng là giai cấp bị bóc lột” – tr247.

Khi bàn về giai cấp phải nắm được khái niệm về TLSX: ruộng đất, hầm mỏ, công cụ, nguyên liệu, nhà máy. Chiếm TLSX thành tư hữu là giai cấp bóc lột.

Từ đó, Hồ Chí Minh nói về chế độ phong kiến là chế độ địa chủ bóc lột nông dân. Chủ nghĩa tư bản là chế độ một bọn ít người bóc lột và thống trị đại đa số nhân dân. Tư bản độc quyền (nắm quyền kinh tế: các nhà tư bản to liên kết, nắm công nghệ). Đế quốc chủ nghĩa (nắm quyền kinh tế và nắm cả quyền chính trị) (Từ bài 2 đến bài 4).

Từ Bài 5 nói cụ thể ở Việt Nam: Đế quốc Pháp xâm lược nước ta và địa vị 3 lực lượng: giai cấp địa chủ; tư bản dân tộc (bị hai tầng áp bức: đế quốc và phong kiến ngăn trở); tư bản mại bản (là tay sai của đế quốc, chống lại lợi ích của nhân dân).

Bài 8 cũng nói về địa vị các giai cấp: công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc bị đế quốc, phong kiến, tư sản bại bản chèn ép (họ không muốn giải phóng nông dân, không muốn công nghệ nước nhà phát triển, thà kinh tế phụ thuộc đế quốc). Vì vậy, muốn giải phóng thì các lực lượng phải đoàn kết.

1.2. Mục tiêu, lực lượng, động lực cách mạng

Bắt đầu bài 9: Con đường giải phóng – Các phong trào thất bại do chưa có giai cấp công nhân lãnh đạo. Từ ngày có Đảng: con đường giải phóng đúng đắn.

- Có mục chung của tất cả những người lao động trên thế giới: Để đạt mục đích ấy, mỗi nước tùy theo điều kiện thiết thực của mình mà tiến dân.
- Hoàn cảnh Việt Nam: Tính chất xã hội: Thuộc địa và phong kiến. Con đường giải phóng: chia 2 bước: Bước 1 – đánh đổ đế quốc, đánh đổ phong kiến, thực hiện người cày có ruộng, xây dựng chính trị và kinh tế dân chủ mới; Bước 2 – tiến lên CNXH – giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản.
- Cần chú ý khái niệm cách mạng dân chủ mới để phân biệt với dân chủ cũ. Điều này do thời đại mới quy định (Cách mạng Nga 1917, cách mạng Trung, Đông Âu và Trung Quốc 1949 phát triển nền dân chủ mới).

-Bài 11: Bàn về động lực cách mạng. Xuất phát từ khái niệm “cách mạng”: giai cấp tiên bộ đánh đổ giai cấp phản tiến bộ và tính chất cách mạng: dân chủ mới. Động lực: công nhân, nông dân, tiểu tư sản. Trong một thời kỳ và một trình độ nhất định: giai cấp tư sản dân tộc cũng là động lực cách mạng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng lao động, 4 giai cấp đoàn kết thành Mặt trận thống nhất.

-Bài 12, 13, 14, 15: Bàn về đặc tính và vai trò của mỗi giai cấp (phụ thuộc vào công việc sản xuất, địa vị)

-Chú ý: Vì sao giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng.

+Định nghĩa giai cấp công nhân: không có TLSX, phải bán sức lao động mà sống, là công nhân (cả lao động trong công nghệ và trong nông nghiệp). Chỉ công nhân công nghệ là hoàn toàn đại biểu cho cái đặc tính của giai cấp công nhân.

+Lãnh đạo được hay không là do đặc tính cách mạng không phải ở số lượng, ở bị bóc lột, ở nghèo khổ.

Đặc tính cách mạng của giai cấp công nhân là: kiên quyết, triệt để, tập hợp, có tổ chức, có kỷ luật. Lại vì giai cấp tiên bộ nhất trong sức sản xuất, gánh trách nhiệm đánh đổ chế độ tư bản và chế độ đế quốc, để xây dựng một xã hội mới, giai cấp công nhân có thể thâm nhập một tư tưởng cách mạng nhất, tức là chủ nghĩa Mác – Lênin. Đồng thời, tinh thần đấu tranh của họ ảnh hưởng và giáo dục các tầng lớp khác. Vì vậy, về mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức và hành động, giai cấp công nhân đều giữ vai trò lãnh đạo.

1.3. Vấn đề Nhà nước

-Nhà nước là gì? (Bài 17). Với Cách mạng tháng 8/1945, Nhà nước Việt Nam DCCCH ra đời. Phân biệt sự khác nhau về tính chất của Nhà nước mới và Nhà nước cũ.

Tính chất Nhà nước phụ thuộc: Giai cấp nào thống trị? Giai cấp nào bị trị? Nhà nước bảo vệ lợi ích giai cấp nào? Đàn áp giai cấp nào?

Tính chất nhân dân mâu thuẫn với tính chất đế quốc, phong kiến
 Dân chủ: thực hành dân chủ nội bộ nhân dân.

Chuyên chính: thực hành chuyên chính với đế quốc, phong kiến.

Quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân: Công – nông – tiểu tư sản – tư sản dân tộc.

- Vì sao công – nông là nền tảng của Mặt trận dân tộc thống nhất?

+Đông nhất, Kiên quyết nhất, Đóng góp nhiều nhất, Hy sinh to nhất, Thành tích lớn nhất, Nền tảng rộng rãi.

-Nhà nước hoạt động theo nguyên tắc dân chủ tập trung (Bài 20)

-Thành phần kinh tế (Vùng tự do):

+Kinh tế địa chủ phong kiến bóc lột địa tô.

+Kinh tế quốc doanh, có tính chất CNXH.

+Các hợp tác xã, có tính chất CNXH.

+Kinh tế cá nhân của nông dân và thủ công nghiệp.

+Kinh tế tư bản của tư nhân.

+Kinh tế tư bản quốc gia.

-Chính sách kinh tế:

+Công tư đều lợi: Công là kinh tế quốc doanh. Tư là những nhà tư bản dân chủ và kinh tế cá nhân của nông dân và thủ công nghiệp.

+Chủ thợ đều lợi: Trong khi bảo vệ quyền lợi của công nhân, thì vẫn chấp nhận nhà tư bản bóc lột mức độ nào đó.

+Công – nông giúp nhau: Tạo, thắt chặt liên minh.

+Lưu thông trong ngoài: Đây là chính sách mậu dịch giữa ta và các nước bạn. Đó là bốn chính sách mấu chốt để phát triển kinh tế nước ta.

Phần 2: (3 vấn đề cơ bản)

2.1. Vấn đề thời đại, tinh thần yêu nước và tinh thần quốc tế (Bài 26, 27, 28, 29, 30): Tự đọc

2.2. Vấn đề Đảng Lao động Việt Nam

- Vì sao cần phải có Đảng lãnh đạo?

+ Đấu tranh “tự phát” của nhân dân thường không có mục đích, kế hoạch, tổ chức và kết quả thất bại.

+ Đảng lãnh đạo quần chúng giác ngộ (vì đâu mà bị áp bức); hiểu quy luật phát triển của xã hội; nhận rõ mục đích đấu tranh; chỉ rõ con đường giải phóng; cổ động cho quần chúng kiên quyết cách mạng; họ tin chắc cách mạng nhất định thắng.

Tóm lại: Cách mạng là cuộc đấu tranh rất phức tạp. Muốn khỏi đi lạc phương hướng, quần chúng phải có Đảng lãnh đạo để nhận rõ tình hình, đường lối và định phương châm cho đúng.

~~Cách mạng là cuộc đấu tranh rất gian khổ. Lực lượng kẻ địch mạnh. Muốn thắng lợi, quần chúng phải tổ chức rất chặt chẽ, chí khí phải kiên quyết. Vì vậy, phải có Đảng để tổ chức và giáo dục nhân dân thành một đội quân thật mạnh.~~

Khi có chính quyền, trong cuộc đấu tranh giai cấp, Đảng phải lãnh đạo xây dựng kinh tế, quốc phòng, văn hóa, xã hội, đưa nhân dân đến thắng lợi hoàn toàn.

Xây dựng Đảng mạnh mẽ, trong sạch, sáng suốt, thống nhất phải dựa 6 điều nền tảng (Bài 32)

Tính chất của Đảng Lao động Việt Nam: là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân và đại biểu lợi ích cho cả dân tộc.

Tính chất của Đảng được quy định bởi 6 điều (Bài 33)

Chú ý: “Đảng là đảng của giai cấp công nhân, mà cũng là đảng của toàn dân” (Bài 33, tr 231). Vì sao? Vì Đảng có hàng chục vạn đảng viên, liên hệ chặt chẽ với quần chúng như chân tay ruột thịt; giàu quyết tâm, một lòng một chí phụng sự giai cấp và nhân dân.

-Đảng dùng cách gì và làm thế nào để lãnh đạo kháng chiến kiến quốc? (Một là: Truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin. Hai là: Đề ra khẩu hiệu (Bài 34, 35).

-Xây dựng Đảng: Tư tưởng, chính trị, tổ chức (Bài 36, 37, 38, 39, 42, 43, 44).

Chú ý: Chế độ dân chủ tập trung của Đảng: a- Tập trung trên nền tảng dân chủ. b- Dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung.

Mở rộng dân chủ, thực hành lãnh đạo tập trung, nâng cao tính tổ chức và tính kỷ luật thì Đảng sẽ mạnh.

2.3.Chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản

-”Quy luật nhất định” của loài người: Từ cộng sản nguyên thủy đến chế độ nô lệ, đến chế độ phong kiến, đến chế độ tư bản, đến CNXH.

-Và “Con đường khác nhau”: Tùy hoàn cảnh: Có nước đi thẳng đến CNXH. Có nước phải kinh qua chế độ dân chủ mới, rồi lên CNXH như Đông Âu, Trung Quốc, Việt Nam...

Chú ý: Đặc điểm của dân chủ mới: 1-Nhân dân dân chủ chuyên chính, 2-Năm loại kinh tế khác nhau, 3-Tư tưởng của giai cấp công nhân (Mác – Lênin) là tư tưởng lãnh đạo, 4- Đảng lãnh đạo thực hiện dân chủ mới và tiến dân đến CNXH, 5- Trong nước nhân dân quyết tâm tiến lên. Trên thế giới, phe dân chủ hòa bình ủng hộ. Vì lẽ đó ta nhất định thành công.

-Từ dân chủ mới, tiến lên CNXH, rồi CNCS: chú ý đặc điểm của từng giai đoạn và quy luật nhất định trong sự phát triển của xã hội: chế độ cộng sản nguyên thủy sụp đổ do chế độ nô lệ thay thế. Chế độ nô lệ sụp đổ do chế độ phong kiến thay thế. Chế độ phong kiến sụp đổ do chế độ tư bản thay thế.

Chế độ XHCN hợp với sức sản xuất, tức là sẽ giải quyết được mâu thuẫn giữa tính chất sản xuất công cộng với tư liệu sản xuất nằm trong tay một số rất ít người. Vì vậy, CNXH nhất định thành công.

3. Bài 50; Kết luận

-Đọc kỹ nhớ suốt và khéo liên hệ với công việc hàng ngày của mình.

-Quyết tâm và tin tưởng.

III-Ý NGHĨA CỦA TÁC PHẨM

3.1. Ý nghĩa lý luận

3.2. Ý nghĩa thực tiễn

*Tài liệu bắt buộc:

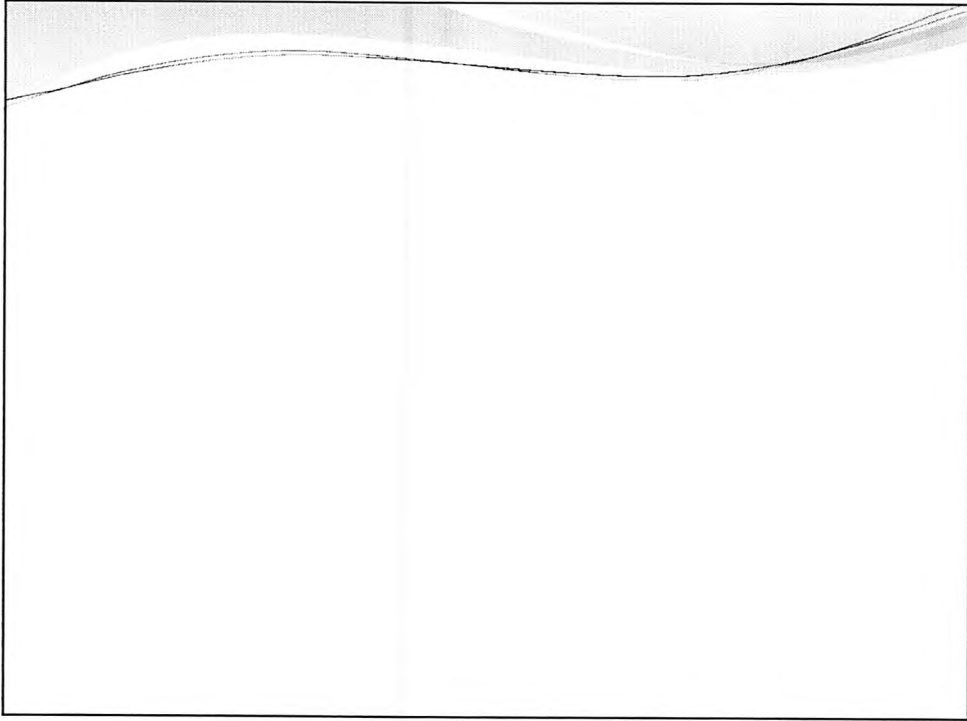
+Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. CTQG – Sự thật, HN -2011, T.8, tr 245-296

+Hồ Chí Minh: Biên niên tiểu sử, Nxb. CTQG, HN, T.5, tr 298-396

*Phương pháp đánh giá:

Một lần (Viết tiểu luận, hoặc kiểm tra) tùy điều kiện cụ thể

*Những vấn đề cần thảo luận: Giá trị lý luận, tư tưởng của tác phẩm?



DI CHÚC

Giảng viên: Ts. Vũ Quang Ánh
Khoa :TT Hồ Chí Minh

I. HOÀN CẢNH RA ĐỜI VÀ TƯ TƯỞNG CỦA TÁC PHẨM

1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm

- Những dòng đầu tiên của “ Di chúc” được Người viết ở tuổi 75.

- Phần quan trọng nhất của “ Di chúc” được hoàn thành vào ngày 15.5.1965. Lúc bấy giờ, đất nước ta đang trong cuộc kháng chiến chống Mỹ đầy cam go, khốc liệt và sức khỏe của Người đã yếu. Bác viết bổ sung vào dịp 5-1966. Năm 1968, Bác viết thêm 6 trang. Tháng 5/1969, Bác lại viết đoạn mở đầu “ Di chúc”.

2. Tư tưởng chủ đạo của tác phẩm

Tư tưởng chủ đạo của “ Di chúc” là Người khái quát những nhiệm vụ chiến lược và những vấn đề mấu chốt mà Đảng và nhân dân ta đã phải nắm vững để hoàn thành sự nghiệp cách mạng.

II. NỘI DUNG TÁC PHẨM

1. Về Đảng, nhân dân

**Trước hết nói về Đảng:* Đây là nội dung bao trùm quan trọng nhất làm nên giá trị cách mạng, giá trị khoa học và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc của “ Di chúc” là tư tưởng xây dựng Đảng. Đây là nét độc đáo trong đạo đức cách mạng của Người

- Khẳng định vai trò lãnh đạo, vai trò cầm quyền của Đảng.
- Khẳng định truyền thống tốt đẹp của Đảng.
- Khẳng định vai trò lãnh đạo, vai trò cầm quyền của Đảng.
- Khẳng định truyền thống tốt đẹp của Đảng.
- Một số quan điểm về xây dựng Đảng trong sạch vững

mạnh.

**Về công việc đối với con người.*

- Khẳng định những truyền thống tốt đẹp, những đức tính cao quý của nhân dân và con người Việt Nam.
- Gắn giải phóng con người với giải phóng dân tộc với giải phóng miền Nam.
- Niềm tin của Hồ Chí Minh vào thắng lợi của sự nghiệp cứu nước thể hiện qua “4 nhất định”.
- Giải phóng miền Nam thống nhất đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội là liên tục đối với mỗi người.
- Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau – một nội dung quan trọng của công việc đối với con người.
- Đối với liệt sĩ... cần sử dụng vườn hoa và bia tưởng niệm...
- Công việc đối với con người thể hiện đậm nét ở phần nói về việc riêng.

3. Về chương trình xây dựng, phát triển đất nước

Di chúc như một kế hoạch. Một chương trình hành động của toàn Đảng, toàn dân về sự nghiệp xây dựng đất nước sau chiến tranh với những chỉ dẫn về đào tạo nguồn nhân lực cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội; phát triển kinh tế văn hóa, nâng cao đời sống nhân dân.

2. Về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước

Minh về cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, góp phần vào sự nghiệp hòa bình thế giới dồn nén, chất chứa trong mấy lời và niềm tin đó không phải chỉ được nhắc một lần: “cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ Trong Di chúc, khát vọng và niềm tin tất thắng của lãnh tụ Hồ Chí hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn.

Đó là điều chắc chắn” (tr.618). dù phải hy sinh nhiều của nhiều người nhưng “Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất”, “đồng bào Bắc Nam sẽ sum họp một nhà”. Theo người, thắng lợi đó của dân tộc ta là vinh dự, vì “đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to – là Pháp và Mỹ và góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc”.

4. Về phong trào cộng sản công nhân quốc tế.

Hồ Chí Minh không chỉ là lãnh tụ của nhân dân Việt Nam, người còn là “là nhà cách mạng trung thành với quốc tế vô sản và đóng góp lớn vào sự đoàn kết các nước xã hội chủ nghĩa, vào việc củng cố và phát triển phong trào cộng sản”.

Trong “Di chúc”, khi viết về phong trào cộng sản quốc tế, Hồ Chí Minh viết: “là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các Đảng anh em” (tr.623).

Hồ Chí Minh đã gửi những ưu phiền vào “Di chúc” và mong muốn đó là một nhiệm vụ quan trọng trong hoạt động đối ngoại của Đảng, để “góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đại đoàn kết” quý báu giữa các Đảng anh em.

5. Về việc riêng

Bác viết rằng, “suốt đời tôi hết lòng phụng sự tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có gì phải hối hận, chỉ tiếc là không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa” (tr.623).

Bác căn dặn: “sau khi tôi qua đời, chớ nên tổ chức điều phung linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ tiền bạc của nhân dân” (tr.623).

III. GIÁ TRỊ CỦA TÁC PHẨM

1. Giá trị lý luận

Giá trị lý luận của tác phẩm chính là sự tổng kết toàn bộ tinh thần, tư tưởng Hồ Chí Minh, làm nên tảng kim chỉ nam cho sự phát triển cách mạng Việt Nam.

“Di chúc” của Hồ Chí Minh là văn kiện lịch sử vô giá kết tinh những tinh hoa đạo đức và tâm hồn cao đẹp, những nội dung cơ bản, những quan điểm cốt yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh, vạch ra phương hướng phát triển cho cách mạng Việt Nam cả hôm nay và trong tương lai.

- “Di chúc” của Chủ tịch Hồ Chí Minh là chúc thư của một lãnh tụ thiên tài, một nhà cách mạng lỗi lạc có tầm nhìn xa, trông rộng, một chiến sĩ cộng sản suốt đời yêu thương, trân trọng con người phấn đấu hy sinh vì tự do, hạnh phúc của con người.

Những tư tưởng lớn, những phẩm chất đạo đức trong sáng tuyệt vời và chủ nghĩa nhân văn cộng sản tỏa sáng từ “Di chúc” lịch sử của Chủ tịch Hồ Chí Minh mãi mãi là nguồn sức mạnh tinh thần dẫn dắt toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta trên con đường xây dựng Tổ quốc Việt Nam theo mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”

2. Giá trị thực tiễn

Tác phẩm định hướng cho toàn Đảng , toàn dân ta đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng, phát triển đất nước trong tương lai.

Khẳng định tầm quan trọng của nhân tố đạo đức đối với Đảng cầm quyền, trong “Di chúc”, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ trung thành của nhân dân”.

Đối với công tác quán triệt, triển khai Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, “Di chúc” của Chủ tịch Hồ Chí Minh là nguồn sức mạnh, nguồn động viên tinh thần.

BÀI 3

NHỮNG CÔNG HIẾN VÀ SÁNG TẠO CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM



I. Quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

II. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam

III. Quan điểm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền

I. QUY LUẬT RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

- Xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể của nước Nga và của phong trào công nhân châu Âu, Lênin từng khẳng định: Đảng Cộng sản ra đời là kết quả của sự kết hợp giữa *chủ nghĩa xã hội với phong trào công nhân*.
- V.I.Lênin viết: “Trong tất cả các nước, chỉ có sự kết hợp chủ nghĩa xã hội với phong trào công nhân mới xây dựng được cơ sở vững chắc cho cả hai”
- Quá trình chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc vì thế đã có sự kết hợp nhuần nhuyễn của 3 yếu tố: chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước.
- Trong bài viết *Ba mươi năm hoạt động của Đảng* (1960), Hồ Chí Minh khái quát quy luật *đặc thù* trong sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam như sau: “*Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương vào đầu năm 1930*”

- Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là *sự kế thừa*, vừa là *sự phát triển* quan điểm của V.I. Lênin về quy luật ra đời của Đảng Cộng sản. Cụ thể:

Thứ nhất: Chủ nghĩa yêu nước là giá trị văn hóa trường tồn của dân tộc Việt Nam. Phong trào yêu nước ở Việt Nam có bề dày hàng ngàn năm lịch sử và có lực lượng đông đảo là toàn dân tộc nhưng lúc này đang đứng trước sự khủng hoảng và bế tắc về đường lối. Trong khi đó, giai cấp công nhân Việt Nam vừa mới ra đời, số lượng ít, phong trào công nhân còn non yếu. Vì thế, giữa 2 phong trào xuất hiện *nhu cầu cần liên kết* như phương thức duy nhất để khắc phục những khiếm khuyết nội tại của cả 2 phong trào.

Thứ hai: Phong trào công nhân *có thể* kết hợp với phong trào yêu nước bởi vì *hai phong trào đó đều có mục tiêu chung* là giành lại độc lập cho dân tộc, xây dựng đất nước hùng cường.

Thứ ba: Nói đến phong trào yêu nước, trước hết là nói đến phong trào nông dân vì nông dân chiếm tỷ lệ trên 90% dân số Việt Nam

Thứ tư: Nói đến phong trào yêu nước, phải kể đến phong trào của tầng lớp trí thức, *tiêu tư sản*. Tầng lớp trí thức với đặc điểm là khát khao độc lập - tự do, nhạy cảm trước thời cuộc và có khả năng tuyên truyền tốt nên là lực lượng đóng vai trò không nhỏ trong phong trào yêu nước

Thứ 5: Sự kết hợp giữa 3 yếu tố này hoàn toàn phù hợp với quá trình tìm đường cứu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - người đã đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và mang chủ nghĩa Mác Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam

- **Tóm lại**, quan điểm của Hồ Chí Minh về quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam vừa quán triệt đầy đủ quan điểm của Lênin về Đảng Cộng sản, vừa phù hợp với hoàn cảnh của Việt Nam - một dân tộc có truyền thống yêu nước nồng nàn và có số lượng công nhân ít ỏi.

II. BẢN CHẤT CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

- Trải qua quá trình thành lập và rèn luyện Đảng ta, Hồ Chí Minh có nhiều cách diễn đạt khi nói về Đảng Cộng sản Việt Nam. Có lúc Người gọi là “Đảng cách mạng”, “Đảng cách mạng chân chính”, “Đảng mácxít - leninnít”, “Đảng của vô sản giai cấp”...nhưng gọi thế nào thì thực chất đó vẫn là *một Đảng cách mạng, được xây dựng theo học thuyết Đảng kiểu mới của Lênin.*
- Kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và thấu hiểu đặc điểm của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh có những quan điểm sau đây về bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Ngay từ những ngày chuẩn bị thành lập Đảng, cho tới khi giành được chính quyền cũng như trước khi “từ biệt thế giới này”, Hồ Chí Minh thường xuyên chú trọng giữ gìn, củng cố bản chất giai cấp công nhân của Đảng.
- **Một vấn đề đã được đặt ra là: Đảng ta là đảng của ai?**
 - Hồ Chí Minh phân biệt rõ: về bản chất giai cấp thì Đảng ta mang bản chất giai cấp công nhân, nhưng về lợi ích thì Đảng không những đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân mà còn đại biểu cho lợi ích của nhân dân lao động và của cả dân tộc.
 - *Đảng Cộng sản mang bản chất giai cấp công nhân, vì chỉ có giai cấp công nhân mới có thể “đưa cách mạng giải phóng dân tộc đến thắng lợi và cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thành công”.*

- Theo Hồ Chí Minh: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân được quy định một cách khách quan bởi “*Đặc tính cách mạng*” của giai cấp công nhân là: kiên quyết, triệt để, tập thể, có tổ chức, có kỷ luật. Lại là giai cấp tiên tiến nhất trong sản xuất, gánh trách nhiệm đánh đổ chế độ tư bản và đế quốc, để xây dựng một xã hội mới, giai cấp công nhân có thể thâm nhập một tư tưởng cách mạng nhất, tức là chủ nghĩa Mác - Lênin. Đồng thời, tinh thần đấu tranh của họ ảnh hưởng và giáo dục các tầng lớp khác.
- Vì vậy, về mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức và hành động, giai cấp công nhân đều giữ vai trò lãnh đạo” rằng “*Chỉ có giai cấp công nhân lãnh đạo thì kháng chiến mới thắng lợi, kiến quốc mới thành công*” và “*Chỉ có giai cấp công nhân là dũng cảm nhất, cách mạng nhất, luôn gan góc đương đầu với bọn đế quốc thực dân... giai cấp công nhân ta đã tỏ ra là người lãnh đạo xứng đáng nhất và đáng tin cậy nhất của nhân dân Việt Nam*”.
- Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã cho thấy, chính đảng của giai cấp công nhân “*đã đoàn kết được những lực lượng cách mạng to lớn xung quanh giai cấp mình. Còn các đảng phái của các giai cấp khác thì hoặc bị phá sản, hoặc bị cô lập.*”
- Do đó, quyền lãnh đạo của Đảng ta - Đảng của giai cấp công nhân - không ngừng củng cố và tăng cường”.
- Từ thực tiễn đó, Người khẳng định: “*Để giành thắng lợi, cách mạng nhất định phải do giai cấp công nhân lãnh đạo. Vì nó là giai cấp tiên tiến nhất, giác ngộ nhất, kiên quyết nhất, có kỷ luật nhất và tổ chức chặt chẽ nhất. Mà đảng vô sản là bộ tham mưu của giai cấp công nhân*”.

Nội dung bản chất giai cấp công nhân của Đảng, Hồ Chí Minh nhấn mạnh các vấn đề sau:

- **Thứ nhất**, Đảng ta thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.
- Trong cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Hồ Chí Minh soạn thảo, Người đã khẳng định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là “*Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản*”. Đây là một vấn đề được Hồ Chí Minh xác định từ rất sớm, là vấn đề nhất quán và xuyên suốt trong toàn bộ tư tưởng của Người. Dù mỗi giai đoạn cách mạng khác nhau, tên Đảng nhiều lần thay đổi nhưng lập trường đó vẫn không hề thay đổi.
- **Thứ hai**, Đảng ta theo tư tưởng của giai cấp công nhân. Đó là Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin “*làm cốt*”, luôn luôn trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa đó vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.
- Đây là luận điểm quan trọng nhất quyết định bản chất giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản; là nguyên lý cơ bản trong học thuyết Mác - Lênin về Đảng Cộng sản.

- Lịch sử đã chứng minh rằng, xã hội từ khi có sự phân chia về giai cấp, thì quá trình phát triển của nhân loại cũng là quá trình ra đời và phát triển của các trào lưu tư tưởng, các học thuyết chính trị - xã hội và các đảng chính trị. Lịch sử đấu tranh giai cấp cũng là lịch sử đấu tranh giữa các học thuyết, các trào lưu tư tưởng, các hệ tư tưởng đối lập dưới sự lãnh đạo của các đảng chính trị. Tính chất hoạt động của mỗi đảng chính trị, vì vậy, được quy định bởi đảng đó lựa chọn và đi theo học thuyết nào, trào lưu tư tưởng nào - tức là theo lập trường giai cấp nào, giai cấp cách mạng hay phản động, cơ hội, cải lương.
- Từ khi xuất hiện, chủ nghĩa Mác - Lênin đã trở thành vũ khí tư tưởng sắc bén của giai cấp công nhân và nhân dân lao động bị áp bức toàn thế giới trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản phản động. Đó là học thuyết về giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức; là lý luận về giải phóng con người khỏi mọi sự áp bức, bất công, tiến tới một xã hội văn minh, không còn bóc lột, không còn sự phân chia về giai cấp.

- Thực chất, đó là lập trường cách mạng triệt để của giai cấp công nhân, là mục tiêu, lý tưởng của giai cấp công nhân. Chính bản chất cách mạng, khoa học và tính nhân đạo cao cả của chủ nghĩa Mác - Lênin đã hấp dẫn những trái tim yêu nước nồng nàn, những khát vọng cháy bỏng muốn cứu nước, giải phóng dân tộc như Hồ Chí Minh.
- Nhớ lại buổi đầu tiên khi đọc Luận cương về những vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin, Người viết: “Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng cho chúng ta”.

- Với tình cảm cách mạng nhiệt tình và tư duy chính trị sắc sảo, Hồ Chí Minh đã sớm đi đến kết luận: “Cách mệnh... trước hết phải có đảng cách mệnh... Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin
- Năm vững chủ nghĩa Mác - Lênin, giương cao ngọn cờ Mác - Lênin, trung thành và vận dụng sáng tạo lý luận Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, quan điểm đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt quá trình sáng lập, giáo dục, rèn luyện của Đảng ta. Chủ nghĩa Mác - Lênin trở thành một trong những nhân tố quan trọng nhất, quyết định nhất, một thứ “vũ khí không gì thay thế được” của cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh viết: “Chúng tôi giành được thắng lợi đó là do nhiều nhân tố, nhưng cần phải nhận mạnh rằng... chúng tôi giành được những thắng lợi đó trước hết là nhờ cái vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Mác - Lênin”

- Đối với Đảng ta, chính đảng của giai cấp công nhân, chủ nghĩa Mác - Lênin là nhân tố cơ bản, không thể thiếu được, để giữ vững lập trường giai cấp công nhân của Đảng. Người viết: “Muôn có lập trường vô sản vững chắc, thì đảng viên phải có ý thức giai cấp, đồng thời phải có lý luận cách mạng. Không có lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học thì không thể có lập trường giai cấp vững vàng. Vì vậy, các cô, các chú phải chịu khó học tập lý luận Mác - Lênin”. Theo quan điểm này, nếu xa rời chủ nghĩa Mác - Lênin là xa rời lập trường giai cấp công nhân, xa rời bản chất giai cấp công nhân của Đảng, làm cho Đảng biến chất, tan rã.

- Thứ ba, Đảng mang bản chất giai cấp công nhân là bởi Đảng là khối đoàn kết thống nhất cả ý chí và hành động, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, có kỷ luật nghiêm minh tự giác, thường xuyên tự phê bình và phê bình.
- Đảng Cộng sản là tổ chức lãnh đạo, một tổ chức chiến đấu, tốt chức hành động. Là một Đảng lãnh đạo, vì vậy, “Đảng ta cần phải mạnh mẽ, trong sạch, kiểu mẫu. Toàn Đảng phải tư tưởng nhất trí, hành động nhất trí, đoàn kết nhất trí mới làm trọn nhiệm vụ của Đảng”

- Đảng phải là hiện thân của khối đại đoàn kết thống nhất cả chính trị, tư tưởng, cả ý chí chí và hành động, là đòi hỏi tất yếu khách quan đối với các chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân, là nguyên lý căn bản trong học thuyết Mác - Lênin về đảng kiểu mới. Sự đoàn kết thống nhất của Đảng theo nguyên tắc tập trung dân chủ trở thành một tiêu chuẩn cơ bản để phân biệt với các đảng cơ hội cải lương.
- Đoàn kết dân tộc trở thành truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta. Hồ Chí Minh khái quát:

Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết
Thành công, thành công, đại thành công.
- Ý thức đoàn kết, đại đoàn kết dân tộc đã xuyên suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh. Vốn thâm hiểu sâu sắc truyền thống đoàn kết dân tộc nên Hồ Chí Minh đã tiếp nhận, quán triệt nguyên lý đoàn kết thống nhất của Đảng Cộng sản bằng cả lý trí và tình cảm. Người đã vận dụng nhuần nhuyễn, sáng tạo, làm phong phú thêm nội dung của nguyên lý này trong điều kiện cách mạng Việt Nam.

- Về “tư cách của đảng chân chính cách mạng” theo quan niệm của Hồ Chí Minh là: “Mỗi công việc của Đảng phải giữ nguyên tắc”, “phải giữ vững tính cách mạng của nó”, “Đảng phải giữ kỷ luật rất nghiêm từ trên xuống dưới. Kỷ luật này là tư tưởng phải nhất trí, hành động phải nhất trí. Kỷ luật này là do lòng tự giác của đảng viên về nhiệm vụ của họ đối với đảng”. Bảo đảm cho “Đảng ta tuy nhiều người, nhưng khi tiến hành chỉ như một người”.
- Trong *Điều lệ văn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Người đòi hỏi “vào Đảng phải tin theo chủ nghĩa cộng sản... hăng hái tranh đấu và dám hy sinh phục tùng mệnh lệnh của Đảng”. Trong *Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (1951)*, Hồ Chí Minh ghi rõ: “Về tổ chức, Đảng Lao động Việt Nam theo chế độ dân chủ tập trung. Về kỷ luật, Đảng Lao động Việt Nam phải có kỷ luật sắt, đồng thời là kỷ luật tự giác”.
- “Đảng tổ chức theo nguyên tắc dân chủ tập trung” - theo Hồ Chí Minh - “Nghĩa là: có đảng chương thống nhất, kỷ luật thống nhất, cơ quan lãnh đạo thống nhất. Cả nhân phải phục tùng đoàn thể, số ít phải phục tùng số nhiều, cấp dưới phải phục tùng cấp trên, địa phương phải phục tùng Trung ương .

- Người nhấn mạnh: “Đoàn kết là sức mạnh của Đảng ta. Đoàn kết chặt chẽ và kỷ luật nghiêm khắc. Hai điều đó không thể tách rời nhau. Kỷ luật nghiêm để bảo đảm tư tưởng nhất trí và hành động thống nhất của toàn Đảng, toàn dân”. Chính vì vậy, “Chủ trương của Đảng ta là: Trong nội bộ thì mở rộng dân chủ, tự phê bình và phê bình. Nguyên tắc tổ chức thì cực kỳ nghiêm... thống nhất ý chí, thống nhất hành động, thống nhất kỷ luật, tập trung lãnh đạo là việc cực kỳ cần thiết và cực kỳ quan trọng”

- Hồ Chí Minh coi tự phê bình và phê bình là vũ khí sắc bén để Đảng thường xuyên trở nên trong sạch, vững mạnh. Có lúc Người đặt “phê bình” trước “tự phê bình”, nhưng nhiều hơn cả là đặt “tự phê bình” trước “phê bình”, đó không phải ngẫu nhiên mà có dụng ý rõ ràng. Đó là dụng ý nhấn mạnh tự phê bình trước rồi sau đó mới phê bình người khác. Trong thực tế, tự phê bình khó khăn hơn là phê bình người khác.
- Về mục đích tự phê bình và phê bình, Hồ Chí Minh chỉ rõ: cốt để giúp nhau sửa chữa, giúp nhau tiến bộ, cốt để sửa đổi cách làm việc cho tốt hơn, đúng hơn, cốt đoàn kết và thống nhất nội bộ. Do đó, mỗi cán bộ, đảng viên hàng ngày phải tự kiểm điểm, tự phê bình, tự sửa chữa như mỗi ngày phải tự rửa mặt. Được như thế thì trong Đảng sẽ không có bệnh tật nên Đảng sẽ mạnh khỏe vô cùng.
- Để đạt mục đích ấy, thái độ tự phê bình và phê bình là phải thành khẩn, trung thực, kiên quyết và có văn hóa. Tự phê bình và phê bình “phải ráo riết”, “triệt để”, thật thà, không nề nang, không thêm bớt. Hồ Chí Minh nhấn mạnh, nếu koong kiên quyết tự phê bình và phê bình thì cũng giống như giấu giếm tật bệnh trong mình, không dám uống thuốc, để bệnh ngày càng nặng thêm, nguy đến tính mạng (giấu bệnh sợ thuốc) nhưng cách phê bình phải thành thật, thâm dựm lòng nhân ái. Phê bình không phải để soi mói, phê bình phải công khai.

- Hồ Chí Minh nhấn mạnh việc tự phê bình và phê bình phải có tính chất xây dựng, không mỉa mai, nói xấu, tránh phê bình lung tung, không chịu trách nhiệm và tránh trù dập người phê bình.
- Bên cạnh tính kiên quyết tự phê bình và phê bình, Hồ Chí Minh rất coi trọng “cái tâm” trong sáng khi phê bình. Năm 1966, Người bổ sung một câu trong bản *Di chúc*: “Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”.
- Quan điểm của Hồ Chí Minh là: “một đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một đảng hỏng. Một đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”

- *Thứ tư, Đảng thể hiện rõ bản chất giai cấp công nhân là Đảng phải gần gũi dân, đoàn kết dân, học hỏi dân, giác ngộ dân và lãnh đạo dân, thực hiện mối liên hệ mật thiết với nhân dân.*

- Đảng phải liên hệ mật thiết với nhân dân, nguyên lý này được quy định bởi vai trò và sức mạnh của chính nhân dân.
- Trong chiều sâu tư tưởng Hồ Chí Minh, dân là gốc của nước, là nguồn sức mạnh, là lực lượng to lớn của Đảng, của cách mạng. Trí tuệ và năng lực sáng tạo của Đảng đều bắt nguồn từ quần chúng nhân dân. Theo Người, trong bầu trời không gì bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng sức mạnh đoàn kết của nhân dân, Hồ Chí Minh khẳng định:

“ Bao nhiêu lợi ích đều vì dân.

Bao nhiêu quyền hạn đều của dân.

Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân.

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân.

Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên.

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”.

>> Mối liên hệ mật thiết của đảng chân chính cách mạng với nhân dân, theo Hồ Chí Minh, phải được thể hiện ở những nội dung chủ yếu sau:

- *Một là*, mọi hoạt động của đảng đều nhằm phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc; vì cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân. Đảng thực sự tỏ rõ là đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp, của nhân dân lao động và của dân tộc.

Hai là, phải gần dân, tin dân, dựa vào dân, học hỏi dân.

- Mọi liên hệ mật thiết của Đảng với nhân dân không chỉ thể hiện ở mục đích hoạt động của Đảng. Nó còn được biểu hiện sinh động ở phương pháp, cách thức hoạt động cả Đảng trong quan hệ với nhân dân, nhất là hoạt động của các cơ sở đảng, của đội ngũ cán bộ, đảng viên tại cơ sở.
- Người viết: “mỗi cán bộ chính quyền và đoàn thể cần phải:
- Luôn luôn gần gũi nhân dân.
 - Ra sức nghe ngóng và hiểu biết nhân dân.
 - Học hỏi nhân dân
- Lãnh đạo nhân dân bằng cách tuyên truyền giải thích, cổ động, giáo dục, tổ chức nhân dân lãnh đạo, dựa vào nhân dân để thực hiện nguyên vọng chính đáng của nhân dân”.
 - Người cho rằng, “Bốn điều ấy phải đi song song với nhau. Vì không gần gũi dân thì không hiểu biết dân. Không hiểu biết dân thì không học hỏi được kinh nghiệm và sáng kiến của dân”

Hồ Chí Minh thường xuyên căn dặn cán bộ, đảng viên rằng: đối với dân, phải “tuyệt đối không được lên mặt “quan cách mạng”, “ra lệnh ra oai”, phải “khiêm tốn, không được kiêu ngạo”, “phải thực sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân”, phải “tin tưởng lực lượng vĩ đại và đầu óc thông minh của quần chúng”... Chỉ có như vậy mới đoàn kết, lãnh đạo được nhân dân; Đảng mới được dân tin, dân phục, dân yêu mới làm tròn nhiệm vụ của người lãnh đạo

Ba là, cán bộ, đảng viên thật sự trong sạch, làm đúng “cần, kiệm, liêm, chính để cho dân tin, dân phục, dân yêu”. Phải hoan nghênh ý kiến phê bình của nhân dân, chân thành tiếp thu phê bình và quyết tâm sửa chữa. Thực tế cho thấy, nếu không chân thành tiếp thu ý kiến phê bình của dân, không chịu sửa chữa sai lầm, khuyết điểm, thì sẽ đánh mất lòng tin của dân, dân sẽ ca thán, thậm chí bất bình. Khi ấy Đảng sẽ trở nên xa lạ với dân và tất nhiên, khó lãnh đạo được nhân dân.

- **Thứ năm, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên theo quan điểm của giai cấp công nhân.**
- Đội ngũ cán bộ, đảng viên là những chiến sĩ cách mạng tiên phong gương mẫu, nói đi đôi với làm, thực sự tỏ rõ vừa là người lãnh đạo, vừa là đầy tớ thật trung thành của nhân dân.
- Bản chất giai cấp công nhân của Đảng không chỉ thể hiện ở hệ tư tưởng, lý luận, ở đường lối chính trị, tổ chức mà còn được biểu hiện cụ thể trong hoạt động của đội ngũ cán bộ, đảng viên.
- Đảng là do nhiều đảng viên - những người tiên tiến, tự nguyện, có cùng mục đích hợp lại. Phẩm chất chính trị, tài năng thực tiễn của cán bộ, đảng viên hợp thành sức mạnh của Đảng.
- Tính chất kiên định trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên là một trong những nhân tố quan trọng kết thành bản chất của Đảng.

Sự ra đời, trưởng thành, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam, những thắng lợi cách mạng Việt Nam giành được... đều là kết quả của quá trình Hồ Chí Minh dày công giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng, trở thành những chiến sĩ cách mạng trung thành, kiên cường phấn đấu hy sinh cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc.

Đó là nhân tố cực kỳ quan trọng để giữ vững và phát huy bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng.

Thứ sáu, Đảng phải chăm lo xây dựng chính quyền thực sự của dân, do dân, vì dân, mang bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc.

- Theo Hồ Chí Minh, “sau khi đã giành được chính quyền thì nhiệm vụ hàng đầu của giai cấp công nhân là phải tăng cường nền chuyên chính vô sản để hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của cách mạng”. Với tư tưởng đó, Hồ Chí Minh đã chăm lo xây dựng một chính quyền của dân, do dân và vì dân, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, dựa chắc trên cơ sở công nông liên minh vững chắc.
- Trong điều kiện đảng cầm quyền, bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng được biểu hiện tập trung thông qua bộ máy Nhà nước. Với tư duy đó, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm, chăm lo xây dựng Nhà nước thực sự là cơ quan đại diện quyền lực chính trị cao nhất của nhân dân, thực sự đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân.
- Tại kỳ họp thứ tư, Quốc hội khóa I, Người nói: “Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ, mà Chính phủ là người đầy tớ trung thành của nhân dân. Chính phủ chỉ có một mục đích là: hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân”.

- Đảng Cộng sản cầm quyền theo tư tưởng Hồ Chí Minh, phải là một đảng bảo đảm để nhân dân thực hiện quyền làm chủ và là người chủ thực sự; để mọi quyền hạn đều là của dân, thuộc về dân
- Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới việc làm trong sạch bộ máy Nhà nước, để Nhà nước làm tròn bổn phận được nhân dân ủy thác. Người đặc biệt nhấn mạnh, Nhà nước phải thực sự tỏ rõ là người đầy tớ trung thành của nhân dân, phải hết sức chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.
- Người viết: “Chính sách của Đảng và Chính phủ là *phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân*. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi. Vì vậy, cán bộ đảng và chính quyền từ trên xuống dưới đều *phải hết sức quan tâm đến đời sống của nhân dân*”.

Thứ bảy, Đảng cần chính sách mạng của giai cấp công nhân phải là một bộ phận không thể thiếu của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

- Đây là một nguyên tắc quan trọng trong thuyết Mác - Lênin về Đảng Cộng sản. Nguyên tắc này xuất phát từ bản chất của giai cấp công nhân trong nền đại công nghiệp. Chính nền sản xuất đại công nghiệp là “sợi dây tự nhiên” thắt chặt tình đoàn kết giai cấp công nhân giữa các nước.
- Theo Ph. Ăngghen, sự đoàn kết quốc tế, nghĩa vụ quốc tế của các Đảng Cộng sản luôn luôn tồn tại, dù người ta “không tự coi mình và cũng chẳng tự tuyên bố mình là một bộ phận của Quốc tế đi nữa”. Thực tiễn cuộc đấu tranh giai cấp đã đem đến cho giai cấp công nhân bài học: chỉ có đoàn kết, giai cấp công nhân mới có được sức mạnh để tự giải phóng mình và giải phóng dân tộc, giải phóng những người la động và bị áp bức nói chung.
- Vì vậy, năm 1920, Quốc tế Cộng sản kêu gọi: “Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!”

- Thấm nhuần quan điểm đó của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh luôn luôn chăm lo vun đắp tình đoàn kết keo sơn giữa các Đảng Cộng sản và công nhân Quốc tế. Người cho rằng: “Quan sơn muôn dặm một nhà. Bốn phương vô sản đều là anh em”. Nhờ có tình đoàn kết keo sơn ấy mà cách mạng Việt Nam có được sức mạnh để giành những thắng lợi vẻ vang.
- Trong thời đại mới, theo Hồ Chí Minh, trong cách mạng giải phóng dân tộc, cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, phải biết “*Kết hợp chặt chẽ lòng yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản*”. Cách mạng giải phóng dân tộc là bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản trong phạm vi toàn thế giới.

Tóm lại: Những nội dung trên đồng thời là những tiêu chí xác định bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Có người nói: giai cấp công nhân Việt Nam số người còn ít, không lãnh đạo được cách mạng. Hồ Chí Minh đã bác bỏ và khẳng định: “Lãnh đạo được hay là không, là do đặc tính cách mạng, chứ không phải do số người nhiều hay ít của giai cấp”. Đặc tính cách mạng đó chính là bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Thành phần giai cấp công nhân trong Đảng tuy là một yếu tố quan trọng để xác định bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nhưng không phải là yếu tố duy nhất và quan trọng nhất. Theo Hồ Chí Minh, bảy yếu tố nêu trên mới là những yếu tố quyết định bản chất giai cấp công nhân của Đảng.

III. QUAN ĐIỂM VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM CẨM QUYỀN

4.1. Khái niệm Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền là một hệ thống các quan điểm mang bản chất cách mạng và khoa học. Đảng cầm quyền theo Hồ Chí Minh là Đảng lãnh đạo cách mạng trong điều kiện Đảng đã giành được quyền lực Nhà nước và trực tiếp lãnh đạo bộ máy Nhà nước, bảo đảm thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng thành công CNXH và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.
- Hồ Chí Minh chỉ rõ: "*Đảng ta là Đảng cầm quyền*" có nghĩa là Người khẳng định bước ngoặt vĩ đại đánh dấu sự chuyên biến về chất trong vị thế của Đảng từ chưa có chính quyền trở thành có chính quyền. Đồng thời, là bước ngoặt trong đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo và xác định trách nhiệm của Đảng trước nhân dân.

4.2. Mục đích, lý tưởng của Đảng cầm quyền

- Theo Hồ Chí Minh, Đảng ta không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc: "*Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ là: Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc*".
- Mục đích phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân của Đảng ta được kết tinh hiện thân ở cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh "*Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân*" và thực tế suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người đã "*hết lòng, hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân*", và trước lúc đi xa, Người vẫn "*tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa*".
- - Phấn đấu, hy sinh vì độc lập thống nhất của Tổ quốc, tự do, hạnh phúc của nhân dân là "*ham muốn tột bậc*" của Người. Khi còn "*phải ăn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo... bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, tôi cũng chỉ theo đuổi một mục đích, làm cho ích quốc lợi dân*".

- Mục đích thiêng liêng, cao cả, đầy tính nhân văn ấy của Hồ Chí Minh được thể hiện trong Cương lĩnh, đường lối lãnh đạo của Đảng. *"Tất cả đường lối, phương châm, chính sách... của Đảng đều chỉ nhằm nâng cao đời sống của nhân dân"*, điều đó còn được thể hiện trong hoạt động thực tiễn của đội ngũ cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng.

- Mọi hoạt động của Đảng đều hướng vào phục vụ nhân dân, phần đầu hy sinh vì lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân. *"Ngoài lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích nào khác"*. Và *"Những người cộng sản chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới"*.

- Mục đích, lý tưởng của Đảng Cộng sản, xét tới cùng, và thực chất không có gì khác hơn là giác ngộ nhân dân, tổ chức, lãnh đạo nhân dân đấu tranh vì một cuộc sống tốt đẹp hơn - cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho mọi người.

4.3. Nhiệm vụ của Đảng cầm quyền

- **Thứ nhất:** Xây dựng đường lối chính trị đúng đắn, đường lối chính trị đúng đắn là một vấn đề cốt lõi trong sự tồn tại và phát triển của Đảng. Vì thế, việc xây dựng đường lối chính trị trở thành một trong những vấn đề cực kỳ quan trọng của Đảng ta.
- Theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện vai trò lãnh đạo chính trị của mình chủ yếu bằng việc đề ra Cương lĩnh, đường lối chiến lược, sách lược của cách mạng. Nếu sai lầm về đường lối là sai lầm nghiêm trọng nhất của Đảng đối với toàn xã hội, với vận mệnh của Tổ quốc

Thực tiễn lịch sử của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã minh chứng điều đó. Hồ Chí Minh khẳng định: *"phải có đường lối cách mạng đúng, có đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo đúng. Đường lối ấy chỉ có thể là đường lối của chủ nghĩa Mác - Lênin được vận dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của dân tộc. Ở Việt Nam, đường lối ấy chỉ có thể là đường lối của giai cấp vô sản và đảng của nó là Đảng Lao động Việt Nam. Đảng phải thực sự là đội tiên phong dũng cảm và bộ tham mưu sáng suốt của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của cả dân tộc"*

- Sáng tạo theo Hồ Chí Minh, đó là yêu cầu quan trọng hàng đầu của các Đảng Cộng sản trong việc áp dụng học thuyết Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của dân tộc mình để xây dựng đường lối chính trị.
- Để có thể sáng tạo, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, trước hết phải nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin, coi đó là gốc, là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động.
- Việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào xây dựng đường lối chính trị, một vấn đề đặt ra là việc tiếp thu kinh nghiệm của Đảng Cộng sản anh em. Vì vậy, Hồ Chí Minh cũng rất chú trọng đến tiếp thu *"kinh nghiệm dồi dào của các nước anh em, nhưng chúng ta cũng không thể áp dụng những kinh nghiệm ấy một cách máy móc, bởi vì nước ta có những đặc điểm riêng của ta... Chúng ta phải khắc phục bệnh giáo điều đồng thời phải đề phòng chủ nghĩa xét lại"*.

- Chủ nghĩa Mác - Lênin mà Hồ Chí Minh lưu ý đó là chủ nghĩa Mác - Lênin được vận dụng sáng tạo, không được phép giáo điều. Nếu biến chủ nghĩa Mác - Lênin thành công thức cứng đờ thì đường lối chính trị của Đảng chỉ là sự sao chép, rập khuôn và không chứa đựng khả năng thực thi trong thực tế cuộc sống.
- Xây dựng đường lối chính trị theo Hồ Chí Minh, phải tính đến những điều kiện cụ thể của đất nước và xu thế phát triển của thời đại trong từng giai đoạn hoặc cả một thời kỳ dài. Hồ Chí Minh chỉ rõ: *"Không chú trọng đến đặc điểm của dân tộc mình trong khi học tập kinh nghiệm của các nước anh em, là sai lầm nghiêm trọng, là phạm chủ nghĩa giáo điều"*

- Khi học tập lý luận Mác - Lênin phải gắn với tình hình thực tiễn của đất nước. Năm 1957, Hồ Chí Minh khẳng định: *"Đảng ta nhờ kết hợp được chủ nghĩa Mác - Lênin với tình hình thực tế của nước ta, cho nên đã thu được nhiều thắng lợi trong công tác. Tuy vậy, việc kết hợp chân lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn của cách mạng Việt Nam chưa được hoàn toàn. Có nhiều sai lầm là do thiếu sự kết hợp đó"*.

Ví dụ những sai lầm trong cải cách ruộng đất, chinh đồn tổ chức, xây dựng kinh tế.

- Từ thực tế của cách mạng, trong từng thời kỳ trở thành căn cứ cực kỳ quan trọng để Đảng ta hoạch định đường lối, chủ trương. Chính những vấn đề thực tiễn, đến lượt nó lại bổ sung cho những vấn đề lý luận Mác - Lênin. Hồ Chí Minh cho rằng: *"Lý luận không phải là một cái gì cứng nhắc, nó đầy tính chất sáng tạo; lý luận luôn luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động"*

- Để có đường lối chính trị đúng, Đảng phải thật sự là đội tiên phong và là bộ tham mưu sáng suốt của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Bởi vì, đường lối chính trị phản ánh một cách rất rõ ràng trình độ, năng lực của Đảng. Đảng yếu kém, năng lực hạn chế... thì đường lối chính trị mà Đảng đề ra khó mà đúng đắn được. Để Đảng đề ra đường lối chính trị đúng yêu cầu cần phải, không ngừng nâng cao trình độ lý luận.
- Bởi vì, lý luận là sự tổng kết kinh nghiệm của loài người, là tổng hợp những tri thức về tự nhiên, xã hội trong quá trình lịch sử; Gắn lý luận với thực tiễn, tránh lý luận suông, phải gắn lý luận Mác - Lênin với việc phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể của cách mạng Việt Nam cho phù hợp với điều kiện Việt Nam

- Trong khi vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin thì phải bổ sung, làm phong phú thêm lý luận đó bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn cách mạng nước ta. Hồ Chí Minh cho rằng: *"Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông"*

- Mở rộng và thực hành dân chủ trong Đảng để mọi đảng viên đóng góp hết ý kiến của mình cho Đảng trên tinh thần xây dựng theo đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng; Phải nghiên cứu tình hình cụ thể, sâu sát, tỉ mỉ và có tác phong công tác tốt, tránh quan liêu, đại khái, hình thức.
- Phải nắm vững quy luật phát triển của cách mạng, phải tính toán thật cẩn thận những điều kiện cụ thể, những biện pháp cụ thể. Kế hoạch phải chắc chắn, cân đối, chớ đem chủ quan của mình thay cho điều kiện thực tế.
- Phải chống bệnh chủ quan, tác phong quan liêu, đại khái. Phải xây dựng tác phong điều tra, nghiên cứu trong mọi hoạt động công tác cũng như khi định ra đường lối, chủ trương của Đảng

Thứ hai, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân, đây là điểm khác biệt về bản chất giữa Đảng Cộng sản và Đảng Tư sản trong cầm quyền.

- Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh vấn đề quyền lực thuộc về nhân dân là vấn đề nguyên tắc, là bản chất chế độ mới mà Đảng ta, nhân dân ta ra sức xây dựng. Đảng lãnh đạo cách mạng, lãnh đạo chính quyền là nhằm thiết lập và củng cố quyền làm chủ của dân, mọi quyền lực phải thuộc về dân.
- Theo Hồ Chí Minh: "*Sau khi đã giành được chính quyền thì nhiệm vụ hàng đầu của giai cấp công nhân là phải tăng cường nền chuyên chính vô sản để hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của cách mạng*". Từ đó Hồ Chí Minh đã chăm lo xây dựng một chính quyền của dân, do dân, vì dân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, dựa trên cơ sở liên minh công – nông.

- Trong điều kiện Đảng cầm quyền bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng được biểu hiện tập trung thông qua bộ máy Nhà nước. Với tư duy đó, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm chăm lo xây dựng Nhà nước thực sự là cơ quan đại diện quyền lực chính trị cao nhất của nhân dân, thực sự bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân.
- Người cho rằng: "*Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ, mà Chính phủ là người đầy tớ trung thành của nhân dân. Chính phủ chỉ có một mục đích là: hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân*".

- Để nhân dân thực sự là người làm chủ, thực sự để mọi quyền hạn đều là của dân, thuộc về nhân dân. Cần phải đặc biệt quan tâm đến việc làm trong sạch bộ máy Nhà nước để Nhà nước làm tròn bốn phận được nhân dân uỷ thác. Nhà nước phải thực sự tỏ rõ là người đầy tớ trung thành của nhân dân, phải hết sức chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.
- Người viết: "*Chính sách của Đảng và Chính phủ là phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi. Vì vậy, cán bộ Đảng và chính quyền từ trên xuống dưới đều phải hết sức quan tâm đến đời sống của nhân dân*"

- Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng nước ta Hồ Chí Minh thường căn dặn: *"Cán bộ Đảng, cán bộ chính quyền không phải làm quan cách mạng, ăn trên ngồi trốc. Cán bộ Đảng cũng như cán bộ chính quyền, ngay cả Bác là cán bộ cao nhất đều là đày tớ của nhân dân, phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, phải cần, kiệm, liêm, chính"*

Thứ ba, phải thực hiện mối liên hệ mật thiết với nhân dân, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Nguyên lý này được quy định bởi vai trò và sức mạnh của chính nhân dân.

- Trong chiều sâu tư tưởng Hồ Chí Minh, dân là gốc của nước, là nguồn sức mạnh, là lực lượng to lớn của Đảng, của cách mạng. Trí tuệ và năng lực sáng tạo của Đảng đều bắt nguồn từ quần chúng nhân dân, theo Hồ Chí Minh: trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng sức mạnh đoàn kết của nhân dân.
- Hồ Chí Minh khẳng định: *"Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân"* .

- Những quan niệm đó càng làm sâu sắc thêm tình cảm của Hồ Chí Minh đối với nhân dân, đối với dân tộc. Nó trở thành tư tưởng nền tảng chỉ đạo mọi hoạt động lãnh đạo cách mạng của Hồ Chí Minh. Trong đó, Người đặc biệt quan tâm, giáo dục, rèn luyện cho Đảng phải luôn giữ vững, củng cố và không ngừng tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

- Theo Hồ Chí Minh mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với dân được thể hiện: Mọi hoạt động của Đảng đều nhằm phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc, vì cuộc sống ấm no, tự do hạnh phúc của nhân dân. Đảng thực sự tỏ rõ là đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp, của nhân dân lao động và của dân tộc. Muốn cho dân yêu, muốn được lòng dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh...Nói tóm lại, hết thảy những việc có thể nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân phải được ta đặc biệt chú ý.
- Bởi vì, mục đích lý tưởng của Đảng Cộng sản xét tới cùng và thực chất không có gì khác hơn là giác ngộ nhân dân, tổ chức, lãnh đạo nhân dân đấu tranh vì một cuộc sống tốt đẹp hơn, đó là, cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho mọi người; phải gần dân, tin dân, dựa vào dân, học hỏi dân.

- - Mọi liên hệ mật thiết của Đảng với dân không chỉ thể hiện ở hoạt động mục đích của Đảng. Nó còn được biểu hiện sinh động ở phương pháp, cách thức hoạt động của Đảng trong quan hệ với dân, nhất là hoạt động của các cơ sở đảng, của đội ngũ cán bộ đảng viên tại cơ sở.
- Hồ Chí Minh chỉ rõ: *"Mỗi cán bộ chính quyền và đoàn thể cần phải: luôn gần gũi nhân dân. Ra sức nghe ngóng và hiểu biết nhân dân. Học hỏi nhân dân. Lãnh đạo nhân dân bằng cách tuyên truyền, giải thích, cô động giáo dục, tổ chức nhân dân, dựa vào nhân dân để thực hiện nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Bốn điều ấy phải đi song song với nhau. Vì không gần gũi dân thì không hiểu biết dân, không hiểu biết dân thì không học hỏi được kinh nghiệm và sáng kiến của dân"* .

- Hồ Chí Minh thường xuyên căn dặn cán bộ, đảng viên, đối với dân phải tuyệt đối không được lên mặt *"quan cách mạng"*, *"ra lệnh cho oai"*, phải *"khiêm tốn, không được kiêu ngạo"*, phải *"thực sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân"*, phải *"tin tưởng lực lượng vĩ đại và đầu óc thông minh của quần chúng"*... chỉ có như vậy mới đoàn kết, lãnh đạo được nhân dân thì Đảng mới được dân tin, dân phục, dân yêu, mới làm tròn nhiệm vụ của người lãnh đạo; Cán bộ và đảng viên phải thật sự trong sạch *"cần, kiệm, liêm, chính"* để cho dân tin, dân phục, dân yêu.

- Phải hoan nghênh ý kiến phê bình của nhân dân, chân thành tiếp thu phê bình và quyết tâm sửa chữa. Thực tế cho thấy, nếu không chân thành tiếp thu ý kiến phê bình của dân, không chịu sửa chữa sai lầm, khuyết điểm thì sẽ đánh mất lòng tin của dân, dân sẽ ca thán thậm chí bất bình. Khi ấy, Đảng sẽ trở nên xa lạ với dân và tất nhiên khó lãnh đạo được nhân dân.

4. 4. Đảng càng quyền phải thường xuyên chăm lo công tác cán bộ, phải "nắm cán bộ"

- Theo Hồ Chí Minh, mọi việc thành bại của cách mạng đều liên quan đến vấn đề cán bộ. Do vậy: "*Đảng nắm cán bộ để làm cho thành phần đảng viên trong sạch... phải nâng cao trình độ lý luận và chính trị của đảng viên, phải tăng cường tính tổ chức và tính kỷ luật của đảng viên. Phải phát triển tính hăng hái và hoạt động chính trị của đảng viên*"

- Năm cán bộ không chỉ trong hệ thống tổ chức của Đảng mà cả trong hệ thống chính trị và toàn xã hội. Vì, có năm chắc cán bộ mới có cơ sở đánh giá đúng cán bộ, từ đó mà bố trí, bồi dưỡng, giáo dục, đề bạt, sử dụng cán bộ một cách khoa học và hiệu quả.
- Hồ Chí Minh luôn quan tâm giáo dục nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải giữ gìn phẩm chất đạo đức, chống cho được những thói hư, tật xấu, sự thoái hoá, biến chất trong điều kiện Đảng cầm quyền. Người luôn dạy dốt, trần trở, thậm chí lo lắng trước các căn bệnh của chủ nghĩa cá nhân, nhất là những bệnh tham ô, lãng phí, quan liêu, có nguy cơ đưa Đảng đến nguy cơ thoái hoá, biến chất, căn bệnh này theo Hồ Chí Minh là "giặc nội xâm", là kẻ thù nguy hiểm. Bởi vì, nó không mang gươm, súng mà nó nằm ngay trong các tổ chức của ta để làm hỏng việc của ta.

- Người đã cảnh báo căn bệnh này ngay từ khi đất nước ta còn rất nghèo, từ khi cán bộ đang còn "ba cùng", đồng cam cộng khổ với nhân dân. Trong quá trình lãnh đạo chỉ đạo cách mạng Người luôn nhắc nhở phải rèn luyện đạo đức cách mạng: "*Cần, kiệm, liêm, chính*" kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, gột rửa chủ nghĩa cá nhân. Bởi vì, chủ nghĩa cá nhân "*Nó là mẹ đẻ ra tất cả mọi tính hư, nết xấu...nó là kẻ thù hung ác của đạo đức cách mạng, của chủ nghĩa xã hội*".
- Người đã dự báo một nguy cơ đó là chủ nghĩa cá nhân không dừng ở một người, một cá nhân mà có thể lây lan biến chất tới cả một tập thể, một tổ chức.
- Người chỉ rõ: "*Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định ngày hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân*". Thực tế điều này đã xảy ra và trở thành tai hoạ của nhiều Đảng Cộng sản ở nhiều quốc gia. Ngay ở nước ta cũng đã có không ít trường hợp kẻ cả cá nhân và tập thể đã rơi vào tình trạng này

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư, khóa XI của Đảng: *Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*, đã đánh giá: “Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc...” Đây thực sự đang là nỗi nhức nhối của xã hội, gây bất bình cho nhân dân và là nỗi đau của Đảng.

Kết luận

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền là một việc làm hết sức quan trọng và cấp thiết. Trong thời điểm hiện nay lại càng quan trọng và cần thiết hơn bao giờ hết. Để thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn đảng. Mỗi cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng phải thấm nhuần và quán triệt sâu sắc những tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền thật sự tự giác rèn luyện, tu dưỡng theo những lời dạy của Người thì nhất định Đảng ta sẽ khắc phục được những nguy cơ sai lầm của một Đảng cầm quyền, giữ gìn được bản chất và truyền thống tốt đẹp của Đảng, tiếp tục được nhân dân tin yêu, ủng hộ.